

# **THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG LÀO CAI**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300238161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18/09/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 8 ngày 24/05/2016

### **TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG LÀO CAI**

**Địa chỉ:** Bán 3, Minh Hạ, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai

**Điện thoại:** 02143 835 565 ; **Fax:** 02143 835 565

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN**



Biên cơ hội thành giá trị

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

**Trụ sở chính:** Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

**Điện thoại:** (84-24) 3818 1888

**Fax:** (84-24) 3818 1688

**Chi nhánh Tp.HCM:** Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**Điện thoại:** (84-28) 3915 1368

**Fax:** (84-28) 3915 1369

**Chi nhánh Đà Nẵng:** 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

**Điện thoại:** (84-236) 3525 777

**Fax:** (84-236) 3525 779

#### **Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên: Ông Đặng Văn Lâm

Chức vụ: Giám đốc

Số điện thoại: 0982983952

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                                                      |               |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| <b>I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....</b>                                                                                                                                                   | <b>- 1 -</b>  |
| 1. Giới thiệu về Tổ chức đăng ký giao dịch .....                                                                                                                                                                     | - 1 -         |
| 2. Giới thiệu về Chứng khoán đăng ký giao dịch.....                                                                                                                                                                  | - 1 -         |
| 3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....                                                                                                                                                                   | - 3 -         |
| 4. Quá trình tăng vốn của Công ty: .....                                                                                                                                                                             | - 3 -         |
| 5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty: .....                                                                                                                                                               | - 7 -         |
| 6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 24/09/2018: .....                                                                  | - 10 -        |
| 7. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty ..... | - 11 -        |
| 8. Hoạt động kinh doanh.....                                                                                                                                                                                         | - 12 -        |
| 9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất .....                                                                                                                                          | - 16 -        |
| 10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....                                                                                                                                           | - 20 -        |
| 11. Chính sách cổ tức .....                                                                                                                                                                                          | - 25 -        |
| 12. Tình hình tài chính.....                                                                                                                                                                                         | - 26 -        |
| 13. Tài sản của Công ty:.....                                                                                                                                                                                        | - 29 -        |
| 14. Kế hoạch lợi nhuận năm tiếp theo .....                                                                                                                                                                           | - 32 -        |
| 16. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh .....                                                                                                                                                               | - 33 -        |
| 17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu: .....                                                                                                    | - 33 -        |
| <b>II. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>                                                                                                                                                                                    | <b>- 33 -</b> |
| 1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị.....                                                                                                                                                            | - 33 -        |
| 2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Ban kiểm soát .....                                                                                                                                                               | - 43 -        |
| 3. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Ban quản lý điều hành.....                                                                                                                                                        | - 49 -        |
| 4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty .....                                                                                                                                                                        | - 51 -        |
| <b>III. PHỤ LỤC, TÀI LIỆU GỬI KÈM .....</b>                                                                                                                                                                          | <b>- 52 -</b> |

## **I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

### **1. Giới thiệu về Tổ chức đăng ký giao dịch**

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG LÀO CAI

Tên Tiếng Anh : Lao Cai Gold Joint Stock Company

Tên viết tắt tiếng việt : VLC

Tên viết tắt tiếng anh : LGC

Địa chỉ : Bản 3, Minh Hạ, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai

Điện thoại : 02143 835 565

Fax : 02143 835 565

Địa chỉ Email : [vanglaocaictcp@gmail.com](mailto:vanglaocaictcp@gmail.com)

Website : <http://www.vanglaocai.com.vn>

Vốn điều lệ thực góp : 105.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ đăng ký : 105.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn Lâm – Chức vụ: Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300238161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18/09/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 8 ngày 24/05/2016

Hoạt động kinh doanh chính : Khai thác, tuyển khoáng, sản xuất tinh quặng vàng tại mỏ vàng Minh Lương – Văn Bàn – Lào Cai.

Ngày được chấp thuận là Công ty đại chúng : 20/09/2018

### **2. Giới thiệu về Chứng khoán đăng ký giao dịch**

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: GLC
- Giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán số 90/2018/GCNCP-VSD ngày 24/10/2018 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.

- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 10.500.000 cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc quy định của tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phiếu
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam cùng các văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể: *“Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó. Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%”*.

Theo danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài được thể hiện trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài (<https://dautunuocngoai.gov.vn>), Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai có hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài. Cụ thể như sau:

- Ngành nghề Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, gia công, kinh doanh, xuất nhập khẩu khoáng sản vàng và các loại khoáng sản khác thuộc Dịch vụ liên quan đến khai thác mỏ (Dịch vụ khác) được nêu trong danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, với ngành nghề kinh doanh này, Pháp luật Việt Nam không có điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài.
- Ngành nghề Thiết kế, thi công và xây lắp các công trình công nghiệp, các công trình hạ tầng, công trình dân dụng thuộc Dịch vụ Thi công xây dựng công trình (Dịch vụ xây dựng) được nêu trong danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, với ngành nghề kinh doanh này, Pháp luật Việt Nam không có điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Như vậy, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CTCP Vàng Lào Cai là 49% vì các ngành nghề mà Công ty đang hoạt động đều chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài.

Tại thời điểm ngày 24/09/2018, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần, tương ứng với 0% vốn điều lệ của Công ty.

### 3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngày 18/09/2007, Công ty Cổ phần vàng Lào Cai (VLC) được thành lập tại Bản 3, Minh Hạ, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Số vốn điều lệ ban đầu của VLC là 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng), trên cơ sở 05 (năm) cổ đông tham gia góp vốn ban đầu là: Tổng công ty khoáng sản - Vinacomin (nay là Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP) (33%); Công ty TNHH Nhà nước một thành viên khoáng sản 3 (nay là Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico) (27%); Công ty Khoáng sản Lào Cai (15%); Công ty TNHH Thái Nguyên (15%) và Công ty Đông Bắc (10%).

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300238161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 05 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 105.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm lẻ năm tỷ đồng).

Kể từ khi thành lập đến nay, chức năng nhiệm vụ chủ yếu của VLC là thực hiện Dự án đầu tư Khai thác và Tuyển quặng vàng gốc mỏ vàng Minh Lương, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Sản phẩm của dự án là tinh quặng vàng hàm lượng (quy đổi) 82 gam Au/tấn: Sản lượng thiết kế (max) 7.450 tấn/năm, tương đương với sản lượng khai thác khoảng 100.000 tấn quặng nguyên khai/năm, khai thác bằng phương pháp hầm lò; tuyển thu hồi tinh quặng vàng bằng phương pháp tuyển trọng lực kết hợp tuyển nổi; Sản lượng Tinh quặng vàng quy đổi ra vàng kim loại (sản lượng cao nhất được phép) là 500kg vàng kim loại/năm.

### 4. Quá trình tăng vốn của Công ty:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Lần | Thời gian thực hiện | Vốn điều lệ tăng thêm | Vốn điều lệ sau khi tăng | Hình thức tăng vốn | Cơ sở pháp lý                                                                                                                |
|-----|---------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Khi thành lập       |                       | 45.000                   |                    | Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300238161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 2007 |

| Lần | Thời gian thực hiện         | Vốn điều lệ tăng thêm | Vốn điều lệ sau khi tăng | Hình thức tăng vốn                                                   | Cơ sở pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|-----------------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2   | Tháng 09/04/2013-29/10/2013 | 50.000                | 95.000                   | Phát hành cổ phiếu chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 9:10 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300238161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 04 tháng 03 năm 2014; Vốn điều lệ đăng ký là 95.000.000.000 đồng.</li> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 32/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/04/ 2013 của VLC</li> <li>- Quyết định của Hội đồng quản trị số 41/2013/QĐ-HĐQT ngày 04/04/2013 của VLC</li> <li>- Quyết định của Hội đồng quản trị số 96/2013/QĐ-HĐQT ngày 04/06/2013 của VLC.</li> <li>- Quyết định của Hội đồng quản trị số 133/2013/QĐ-HĐQT ngày 21/10/2013 của VLC.</li> </ul> |
| 3   | Tháng 12/12/2015-22/01/2016 | 10.000                | 105.000                  | Phát hành riêng lẻ cổ phiếu                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300238161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 24/05/2016; Vốn điều lệ đăng ký là 105.000.000.000 đồng.</li> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 78/2015/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 11/12/2015 của VLC.</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 80/2015/NQ-HĐQT ngày 21/12/2015 của VLC.</li> </ul>                                                                                                                                                                                            |

| Lần | Thời gian thực hiện | Vốn điều lệ tăng thêm | Vốn điều lệ sau khi tăng | Hình thức tăng vốn | Cơ sở pháp lý                                                              |
|-----|---------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|     |                     |                       |                          |                    | - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 85/2016/NQ-HĐQT ngày 14/01/2016 của VLC. |

*Nguồn: CTCP Vàng Lào Cai*

**a) Phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ lần 1: Tăng vốn điều lệ từ 45.000.000.000 đồng lên 95.000.000.000 đồng:**

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 32/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 04 năm 2013, Quyết định của Hội đồng quản trị số 41/2013/QĐ-HĐQT ngày 4/4/2013, Quyết định của Hội đồng quản trị số 96/2013/QĐ-HĐQT ngày 04/06/2013, Quyết định của Hội đồng quản trị số 133/2013/QĐ-HĐQT ngày 21/10/2013 của Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai, các cổ đông hiện hữu của Công ty đã đồng ý thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền 9:10; chấp thuận cho cổ đông Tổng Công ty Khoáng sản – Vinacomin chuyển một phần công nợ thành vốn góp vào Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai; Hội đồng quản trị cũng đã thông qua phương án phân phối số cổ phần cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ thêm 50.000.000.000 đồng. Trong đó:

- Giá trị thu được do cổ đông nộp tiền là: 33.404.758.968 đồng

- Giá trị chuyển nợ thành vốn góp là: 16.595.241.032 đồng

Mục đích sử dụng vốn: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án Đầu tư Khai thác – Tuyển và Luyện quặng vàng gốc, mỏ vàng Minh Lương – Văn Bàn - Lào Cai và dùng làm vốn đối ứng để vay ngân hàng đầu tư dự án.

Đến ngày 29/10/2013, Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai đã kết thúc đợt phát hành với kết quả như sau:

| STT | Tên cổ đông                           | Số lượng cổ phần đang sở hữu | Số cổ phần được quyền mua thêm | Số lượng cổ phần đã thực hiện quyền mua | Số lượng cổ phần phân phối lại | Số lượng cổ phần sau đợt phát hành |
|-----|---------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|
| 1   | Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP    | 2.295.000                    | 2.550.000                      | 2.550.000                               | 0                              | 4.845.000                          |
| 2   | Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico | 1.080.000                    | 1.200.000                      | 1.200.000                               | 0                              | 2.280.000                          |

| STT              | Tên cổ đông                          | Số lượng cổ phần đang sở hữu | Số cổ phần được quyền mua thêm | Số lượng cổ phần đã thực hiện quyền mua | Số lượng cổ phần phân phối lại | Số lượng cổ phần sau đợt phát hành |
|------------------|--------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|
| 3                | Công ty TNHH MTV Khoáng sản - BITECO | 675.000                      | 750.000                        | 0                                       | 0                              | 675.000                            |
| 4                | Công ty TNHH MTV 86                  | 450.000                      | 500.000                        | 0                                       | 0                              | 450.000                            |
| 5                | Phạm Thanh Hoa                       | 0                            | 0                              | 0                                       | 965.000                        | 965.000                            |
| 6                | Trần Văn Xuất                        | 0                            | 0                              | 0                                       | 285.000                        | 285.000                            |
| <b>Tổng cộng</b> |                                      | <b>4.500.000</b>             | <b>5.000.000</b>               | <b>3.750.000</b>                        | <b>1.250.000</b>               | <b>9.500.000</b>                   |

*Nguồn: Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai*

Thực tế sử dụng vốn: Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai đã sử dụng vốn theo đúng mục đích ban đầu đề ra theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 32/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 04 năm 2013 là tiếp tục triển khai thực hiện dự án Đầu tư Khai thác – Tuyển và Luyện quặng vàng gốc, mỏ vàng Minh Lương – Văn Bàn - Lào Cai và dùng làm vốn đối ứng để vay ngân hàng đầu tư dự án.

**b) Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lần 2: Tăng vốn điều lệ từ 95.000.000.000 đồng lên 105.000.000.000 đồng**

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 78/2015/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 11 tháng 12 năm 2015, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 80/2015/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 12 năm 2015, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 85/2016/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 01 năm 2016 của Công ty cổ phần Vàng Lào Cai, các cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho các cổ đông mới để tăng vốn điều lệ thêm 85.000.000.000 đồng. Kết quả sau đợt phát hành là Công ty TNHH Xây dựng và xuất nhập khẩu Hoàng Liên mua 1.000.000 cổ phần tương ứng với 10.000.000.000 đồng, giúp tăng vốn điều lệ lên thành 105.000.000.000 đồng.

Mục đích sử dụng vốn: tái cấu trúc tài chính; thanh toán các khoản nợ đến hạn; cải thiện các hệ số tài chính cơ bản (hệ số nợ, khả năng thanh toán...); thanh toán các khoản thuế, phí phát sinh liên quan đến gia hạn giấy phép khai thác vàng hết hạn vào tháng 04/2016); duy trì và đảm bảo hoạt động kinh doanh; đảm bảo an toàn, giảm rủi ro do phụ thuộc vào vốn vay từ ngân hàng với lãi suất cao.

Đến ngày 22/01/2016, Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai đã kết thúc đợt phát hành

với kết quả như sau:

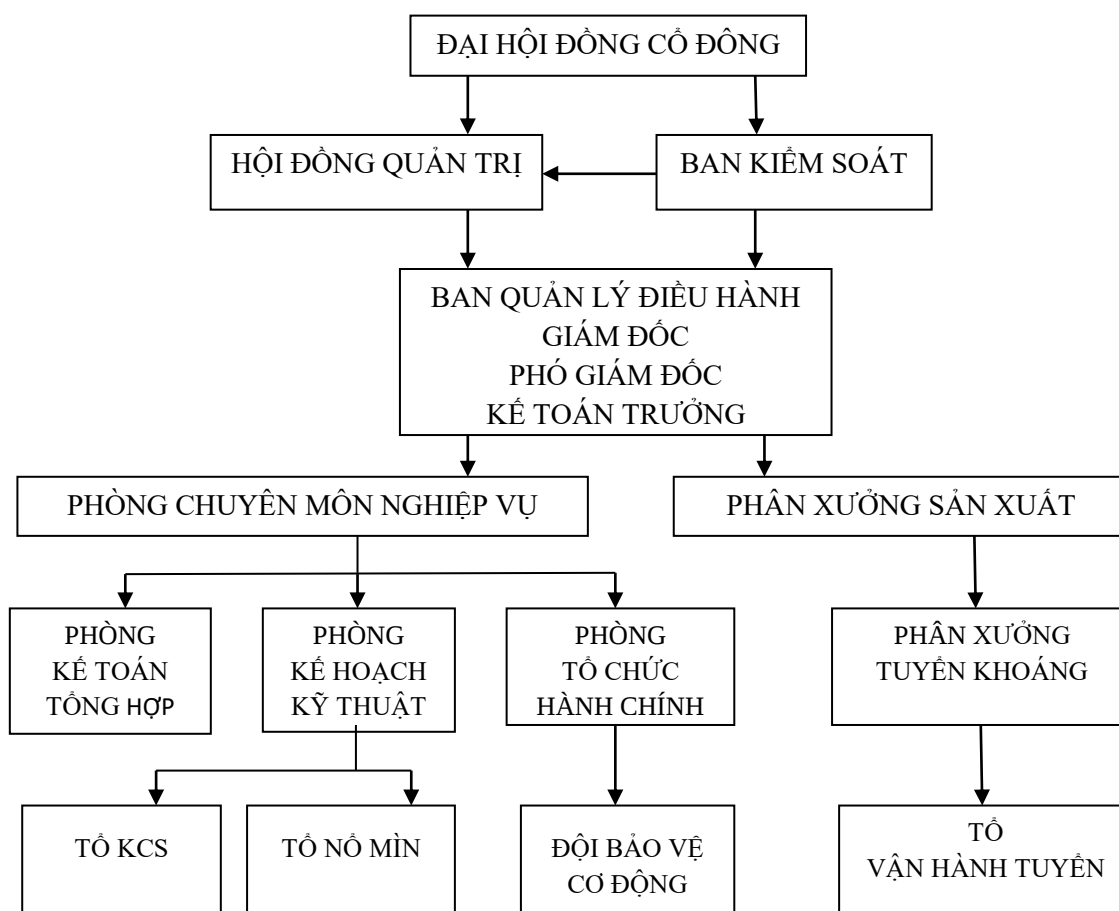
| STT              | Tên cổ đông                                        | Số lượng cổ phần đang sở hữu | Số cổ phần mua trong đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu | Số cổ phần mua trong đợt phát hành riêng lẻ | Số lượng cổ phần sau đợt phát hành |
|------------------|----------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------|
| 1                | Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP                 | 4.845.000                    | 0                                                       | 0                                           | 4.845.000                          |
| 2                | Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico              | 2.280.000                    | 0                                                       | 0                                           | 2.280.000                          |
| 3                | Công ty TNHH MTV Khoáng sản - BITECO               | 675.000                      | 0                                                       | 0                                           | 675.000                            |
| 4                | Công ty TNHH MTV 86                                | 450.000                      | 0                                                       | 0                                           | 450.000                            |
| 5                | Phạm Thanh Hoa                                     | 965.000                      | 0                                                       | 0                                           | 965.000                            |
| 6                | Trần Văn Xuất                                      | 285.000                      | 0                                                       | 0                                           | 285.000                            |
| 7                | Công ty TNHH Xây dựng và xuất nhập khẩu Hoàng Liên | 0                            | 0                                                       | 1.000.000                                   | 1.000.000                          |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                    | <b>9.500.000</b>             | <b>0</b>                                                | <b>1.000.000</b>                            | <b>10.500.000</b>                  |

*Nguồn: Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai*

Thực tế sử dụng vốn: Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai đã sử dụng vốn theo đúng mục đích ban đầu đề ra theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 78/2015/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 11 tháng 12 năm 2015 lậtái cấu trúc tài chính; thanh toán các khoản nợ đến hạn; cải thiện các hệ số tài chính cơ bản (hệ số nợ, khả năng thanh toán...); thanh toán các khoản thuế, phí phát sinh liên quan đến gia hạn giấy phép khai thác vàng hết hạn vào tháng 04/2016); duy trì và đảm bảo hoạt động kinh doanh; đảm bảo an toàn, giảm rủi ro do phụ thuộc vào vốn vay từ ngân hàng với lãi suất cao.

#### **5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty:**

Mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:



*Nguồn: Công ty CP Vàng Lào Cai*

### \* Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát của Công ty.

### \* Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

### \* Ban kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của VLC; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

**\* Ban Quản lý điều hành (Ban Giám đốc): Gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty**

- Giám đốc: Điều hành chung mọi hoạt động của VLC; chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất kinh doanh trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch, phương án tổ chức sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch, phương án đó sau khi đã được HĐQT phê chuẩn; trực tiếp phụ trách các lĩnh vực: Kinh doanh, tài chính, kế hoạch, vật tư, tổ chức nhân sự.

- Các Phó Giám đốc: Phụ trách các lĩnh vực về điều hành mỏ, kỹ thuật, kế hoạch, sản xuất, an toàn vệ sinh lao động, an toàn môi trường, PCCC,... và thay mặt Giám đốc điều hành Công ty khi Giám đốc đi vắng.

- Kế toán trưởng: Phụ trách lĩnh vực nghiệp vụ Tài chính, kế toán, thống kê, tiền lương, BHXH và các chế độ chính sách liên quan đến người lao động.

- Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ:

+) Phòng Kế hoạch kỹ thuật: Lập kế hoạch kỹ thuật, Kế hoạch sản xuất kinh doanh, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh,... trực tiếp quản lý điều hành hoạt động của Tổ KCS, Tổ nổ mìn.

+) Phòng Kế toán tổng hợp: Lập báo cáo tài chính quý, năm, kê khai, quyết toán các loại thuế, tổ chức thực hiện các nghiệp vụ tài chính, kế toán, thống kê, công tác tiền lương, bảo hiểm xã hội, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực được phân công.

+) Phòng Tổ chức hành chính: Tham mưu cho Ban quản lý điều hành Công ty trong công tác tổ chức nhân sự, hành chính, văn phòng, văn thư, khánh tiết; trực tiếp quản lý điều hành hoạt động của đội bảo vệ cơ động của Công ty.

- Các Phân xưởng, Tổ đội sản xuất:

+) Phân xưởng tuyển khoáng: Trực tiếp quản lý máy móc thiết bị, nhà xưởng tuyển quặng, tổ chức tuyển quặng nguyên khai sản xuất ra tinh quặng vàng, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực được phân công.

+) Tổ nổ mìn (trực thuộc Phòng Kế hoạch kỹ thuật): Trực tiếp làm công tác nổ mìn phục vụ khai thác quặng nguyên khai, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực được phân công.

+) Tổ KCS (trực thuộc Phòng Kế hoạch kỹ thuật): Trực tiếp lấy, gia công và phân tích xác định hàm lượng mẫu quặng nguyên khai, tinh quặng vàng, đuôi thải sau

tuyển; tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực được phân công.

+) Đội bảo vệ cơ động: Trực tiếp tuần tra, bảo vệ đảm bảo an toàn tuyệt đối an ninh trật tự trong phạm vi toàn Công ty, các khu vực sản xuất, toàn bộ diện tích mỏ và khu vực vùng đệm được giao quản lý, tham mưu lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực được phân công.

**6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 24/09/2018:**

**6.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 24/09/2018**

| TT          | Tên Cổ đông                                 | Số CMT/ĐKKD | Địa chỉ                                                                                    | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ % Vốn điều lệ |
|-------------|---------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------|
| 1           | Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP (VIMICO) | 0100103087  | Số 193, đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội | 4.845.000                | 46,14 %             |
| 2           | Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico       | 0500204315  | Tổ 30, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai                                   | 2.280.000                | 21,71%              |
| 3           | Công ty TNHH MTV Khoáng sản - BITECO        | 5300241929  | Số 262, đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai                  | 675.000                  | 6,43%               |
| 4           | Công ty cổ phần Khoáng sản Đông Dương       | 0102655252  | Số 8/82 phố Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam    | 665.000                  | 6,33%               |
| 5           | Uông Huy Giang                              | 111461798   | Xóm Quang Trung, Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội                                                | 908.350                  | 8,65%               |
| <b>Tổng</b> |                                             |             |                                                                                            | <b>9.373.350</b>         | <b>89,26%</b>       |

*Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 24/09/2018 của CTCP Vàng Lào Cai*

**6.2. Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 24/09/2018:**

CTCP Vàng Lào Cai được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh

nghiệp số 5300238161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18/09/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 8 ngày 24/05/2016. Đến thời điểm hiện tại cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

### 6.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 24/09/2018

Vốn điều lệ của VLC tính đến thời điểm ngày 24/09/2018 là 105.000.000.000 đồng được chia thành 10.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông như sau:

| TT         | Cổ đông                   | Số lượng   | Số cổ phần (CP)   | Giá trị (VND)          | Tỷ lệ (%)  |
|------------|---------------------------|------------|-------------------|------------------------|------------|
| <b>I</b>   | <b>Cổ đông trong nước</b> | 106        | 10.500.000        | 105.000.000.000        | 100        |
| 1          | Cổ đông tổ chức           | 5          | 8.915.000         | 89.150.000.000         | 84,9       |
| 2          | Cổ đông cá nhân           | 101        | 1.585.000         | 15.850.000.000         | 15,1       |
| <b>II</b>  | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | 0          | 0                 | 0                      | 0          |
| 1          | Cổ đông tổ chức           | 0          | 0                 | 0                      | 0          |
| 2          | Cổ đông cá nhân           | 0          | 0                 | 0                      | 0          |
| <b>III</b> | <b>Cổ phiếu quỹ</b>       | 0          | 0                 | 0                      | 0          |
|            | <b>Tổng cộng</b>          | <b>106</b> | <b>10.500.000</b> | <b>105.000.000.000</b> | <b>100</b> |

*Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 24/9/2018 của CTCP Vàng Lào Cai*

**7. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty**

**- Công ty mẹ đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VLC:**

+ Tên công ty: Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP (VIMICO)

+ Địa chỉ: Số 193, đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

+ Điện thoại: 024.62876666 Fax: 024.62883333

+ Giấy ĐKDN số 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 06/10/2015.

+ Vốn điều lệ đăng ký: 2.000.000.000.000 đồng

+ Vốn điều lệ thực góp: 2.000.000.000.000 đồng

- + Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản.
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phần trực tiếp của Vimico tại VLC: 46,14% vốn điều lệ của VLC, tương ứng với 4.845.000 cổ phần.
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phần gián tiếp thông qua Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico: 11,07% (Vimico sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico)
- + Tỷ lệ lợi ích của Vimico: 57,22%
- + Tỷ lệ biểu quyết của Vimico: 67,86%
- **Công ty con và công ty mà VLC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có

## **8. Hoạt động kinh doanh**

### **8.1. Sản phẩm, hoạt động của VLC:**

- Sản phẩm chính: Tinh quặng vàng.
- Hoạt động của VLC: Khai thác, chế biến, sản xuất tinh quặng vàng

8.2. Để có được sản phẩm chính là Tinh quặng vàng, Công ty đang khai thác quặng vàng gốc tại mỏ vàng Minh Lương, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai; thuộc dự án đầu tư Khai thác và Tuyển quặng vàng gốc mỏ vàng Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai. Thông tin chủ yếu về dự án như sau:

Giấy phép khai thác khoáng sản số 2915/GP-BTNMT do Bộ tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/12/2016, cho phép Công ty cổ phần Vàng Lào Cai khai thác quặng vàng gốc bằng phương pháp hầm lò tại mỏ vàng Minh Lương, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai (tiếp tục khai thác phần trữ lượng còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số 762/GP-BTNMT ngày 26/04/2011 do Bộ tài nguyên và Môi trường cấp).

- Diện tích khu vực khai thác: 112 ha (một trăm mười hai hecta), thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1/50.000 số hiệu F-48-41-C (hệ VN-2000).
- Mức sâu khai thác: Đến mức +505m.
- Trữ lượng địa chất: 92.670 tấn quặng vàng.
- Trữ lượng khai thác: 89.702 tấn quặng vàng.
- Công suất khai thác:
  - + Năm 2016: 22.000 tấn quặng vàng;
  - + Năm 2017-2018: 28.000 tấn quặng vàng/năm;
  - + Năm 2019: 11.702 tấn quặng vàng.
- Thời hạn Giấy phép: Đến ngày 26/04/2019.

a) Sản phẩm dự án: Là Tinh quặng vàng hàm lượng (quy đổi) 82 gam Au/tấn; Sản lượng theo thiết kế (max) dự án là 7.450 tấn/năm, tương đương với sản lượng khai thác khoảng 100.000 tấn quặng nguyên khai/năm, khai thác mỏ bằng phương pháp hầm lò; tuyển quặng vàng bằng phương pháp tuyển trọng lực kết hợp tuyển nổi; Sản lượng sản phẩm Tinh quặng vàng quy đổi ra vàng kim loại theo thiết kế dự án được phép khai thác lớn nhất là 500 kg vàng kim loại/năm.

b) Mục tiêu dự án: Khai thác và Tuyển quặng Vàng gốc mỏ vàng Minh Lương - Văn Bản - Lào Cai sẽ khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; góp phần tăng cường công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn; cung cấp nguồn nguyên liệu cho ngành luyện kim trong nước sản xuất vàng kim loại, làm giảm lượng vàng nhập khẩu, tạo việc làm cho người lao động và nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

c) Nội dung và quy mô đầu tư dự án:

- Nội dung đầu tư: Đầu tư hoàn chỉnh từ khâu Khai thác và Tuyển thành Tinh quặng Vàng hàm lượng (quy đổi) 82 gam Au/tấn.

- Quy mô, công suất và chất lượng sản phẩm: Sản xuất Tinh quặng vàng hàm lượng (quy đổi) 82 gam Au/tấn; Sản lượng khi đạt công suất thiết kế của dự án là 7.450 tấn/năm, tương đương sản lượng khai thác là 100.000 tấn quặng nguyên khai/năm (Giai đoạn 1 xây dựng nhà máy tuyển quặng bằng 50% công suất).

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm: Cung cấp toàn bộ lượng Tinh quặng Vàng sản xuất ra cho Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP (tiêu thụ sản phẩm theo quy định của pháp luật) để sản xuất Vàng kim loại tiêu thụ trên thị trường.

d) Trữ lượng, công suất thiết kế, tuổi thọ mỏ:

- Trữ lượng:

- + Trữ lượng địa chất là 4.766,05 kg vàng kim loại, trong đó:

- \* Trữ lượng cấp 122 là 1918,95 kg vàng kim loại

- \* Tài nguyên cấp 333 là 2.847,10 kg vàng kim loại

- + Trữ lượng huy động là 3.775,16 kg vàng kim loại, trong đó:

- \* Trữ lượng cấp 122 là 1.836,11 kg vàng kim loại

- \* Tài nguyên cấp 333 là 1939,05 kg vàng kim loại

- + Trữ lượng công nghiệp là 2.022,81 kg vàng kim loại; trong đó:

- \* Trữ lượng cấp 122 là 1.829,08 kg vàng kim loại.

- \* Tài nguyên cấp 333 là 193,72kg vàng kim loại.

- Công suất thiết kế: Khai thác 57.026,7 tấn quặng nguyên khai/năm (không tính đến khối lượng đất đá làm nghèo khi khai thác).

- Tuổi thọ mỏ: 08 năm (Thời gian xây dựng cơ bản: 3,5 năm, thời gian khấu vét và hoàn phục môi trường: 01 năm, thời gian sản xuất: 4 năm).

e) Tổng diện tích sử dụng đất toàn dự án là: 136,18 ha, trong đó:

- Diện tích mặt mỏ, các công trình khai thác, phụ trợ khai thác mỏ: 115 ha.

- Diện tích khu vực xưởng tuyển, bãi thải quặng đuôi, phụ trợ: 18,6 ha.

- Diện tích khu văn phòng điều hành và nhà ở cán bộ nhân viên: 2,58 ha.

- Tổng diện tích thực tế thuê sử dụng đất (đến tháng 11/2015): 52,96 ha, trong đó:

+ Diện tích mặt mỏ phục vụ khai thác, các công trình khai thác, phụ trợ khai thác mỏ: 34 ha.

+ Diện tích khu vực xưởng tuyển, bãi thải quặng đuôi, phụ trợ: 16,38 ha.

+ Diện tích khu văn phòng điều hành và nhà ở cán bộ nhân viên: 2,58 ha.

- Tổng diện tích thực tế sử dụng đất (từ tháng 11/2015 đến nay): 41,58 ha, trong đó:

+ Diện tích mặt mỏ phục vụ khai thác, các công trình khai thác, phụ trợ khai thác mỏ: 25,846 ha.

+ Diện tích khu vực xưởng tuyển, bãi thải quặng đuôi, phụ trợ: 13,155 ha.

+ Diện tích khu văn phòng điều hành và nhà ở cán bộ nhân viên: 2,576 ha.

- **Ghi chú:** Phần diện tích còn lại là diện tích mặt mỏ chỉ quản lý để bảo vệ tài nguyên khoáng sản (không phải thuê đất, do sử dụng công nghệ khai thác hầm lò).

f) Tổng mức đầu tư đã thực hiện (GD1): 174.678.339.499 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 75.404.628.296 đồng;

- Chi phí thiết bị: 36.861.795.982 đồng;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 6.170.389.354 đồng;

- Chi phí quản lý dự án: 1.800.780.326 đồng;

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình: 5.888.986.375 đồng;

- Chi phí khác: 34.008.697.959 đồng;

- Thuế GTGT: 14.543.061.207 đồng.

**Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty như sau:**

*Đơn vị tính: đồng*

| TT                    | Diễn giải                            | Năm 2016               |                            | Năm 2017              |                            | 9 tháng đầu năm 2018  |                            |
|-----------------------|--------------------------------------|------------------------|----------------------------|-----------------------|----------------------------|-----------------------|----------------------------|
|                       |                                      | Giá trị<br>(đồng)      | Tỷ<br>trọng/<br>DTT<br>(%) | Giá trị<br>(đồng)     | Tỷ<br>trọng/<br>DTT<br>(%) | Giá trị<br>(đồng)     | Tỷ<br>trọng/<br>DTT<br>(%) |
| 1                     | Doanh thu bán hàng (tinh quặng vàng) | 100.556.890.698        | 100%                       | 95.531.115.349        | 96,57%                     | 88.231.870.264        | 98,11%                     |
| 2                     | Doanh thu cung cấp dịch vụ           | -                      | 0%                         | 3.394.893.852         | 3,43%                      | 1.697.620.604         | 1,89%                      |
| <b>Tổng doanh thu</b> |                                      | <b>100.556.890.698</b> | <b>100%</b>                | <b>98.926.009.201</b> | <b>100%</b>                | <b>89.929.490.868</b> | <b>100%</b>                |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, BCTC Quý III/2018 của Công ty CP Vàng Lào Cai*

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ việc bán sản phẩm chính là tinh quặng vàng. Thực tế, trong năm 2016, 100% doanh thu đến từ việc bán tinh quặng vàng tương đương 100.556.890.698 đồng. Tổng doanh thu trong năm 2017 thấp hơn 1.630.881.497 đồng so với năm 2016, tỷ lệ giảm làm 1,62%. Trong đó doanh thu bán hàng giảm 5.025.775.349 đồng xuống còn 95.531.115.349 đồng, chiếm tỷ trọng 96,57%/Tổng doanh thu. Đặc biệt trong năm 2017 xuất hiện doanh thu đến từ việc cung cấp dịch vụ, doanh thu này chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng doanh thu, tương ứng 3,43%. Đến Quý III/2018, doanh thu bán hàng bằng 92,36% so với năm 2017, chiếm 98,11%/tổng doanh thu, 1,89% doanh thu còn lại đến từ việc cung cấp dịch vụ.

**Nguyên nhân giảm doanh thu của năm 2017 so với năm 2016:**

**Nguyên nhân chính:** Do sản lượng tiêu thụ tinh quặng vàng quy đổi ra vàng kim loại năm 2017 thấp hơn năm 2016 gần 4,97 kg Au; cụ thể năm 2017 tiêu thụ là 128,27 kg vàng kim loại, năm 2016 tiêu thụ 133,27 kg vàng kim loại.

**Nguyên nhân gián tiếp:**

- Do sản lượng tinh quặng vàng quy đổi ra vàng kim loại sản xuất năm 2017 đạt thấp hơn năm 2016; cụ thể năm 2016 sản xuất được sản lượng tinh quặng vàng quy đổi

là 155,59 kg vàng kim loại, năm 2017 là 129,46 kg vàng kim loại.

- Sản lượng tinh quặng vàng quy đổi ra vàng kim loại sản xuất năm 2017 đạt thấp hơn năm 2016 là do hàm lượng quặng nguyên khai đưa vào tuyển năm 2017 thấp hơn hàm lượng quặng nguyên khai đưa vào tuyển năm 2016; cụ thể: Năm 2016 quặng nguyên khai đưa vào tuyển là 18.737,59 tấn; hàm lượng vàng bình quân 8,88 gam Au/tấn (tương đương 166,48 kg vàng kim loại trong quặng nguyên khai đưa vào tuyển); năm 2017 quặng nguyên khai đưa vào tuyển là 20.172,85 tấn; hàm lượng vàng bình quân 7,13 gam Au/tấn (tương đương 143,86 kg vàng kim loại trong nguyên khai đưa vào tuyển).

- Hàm lượng quặng nguyên khai năm 2017 giảm so với năm 2016 là do năm 2017 trong quá trình khai thác quặng nguyên khai tại các thân quặng 10B, 8B, 8A2 gặp phải biến động địa chất, một số vị trí thân quặng bị teo thất dẫn đến tỷ lệ làm nghèo tăng.

## 9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

*Đơn vị tính: đồng*

| Chỉ tiêu                          | Năm 2016        | Năm 2017        | % tăng giảm | 9 tháng đầu năm 2018 |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|----------------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 135.427.853.605 | 112.066.332.759 | (17,25%)    | 84.665.613.479       |
| Vốn chủ sở hữu                    | 44.955.333.335  | 50.207.792.643  | 11,68%      | 66.945.140.797       |
| Doanh thu thuần                   | 100.556.890.698 | 98.926.009.201  | (1,62%)     | 89.929.490.868       |
| Lợi nhuận từ hoạt động KD         | 9.662.654.148   | 6.074.085.226   | (37,14%)    | 17.712.580.069       |
| Lợi nhuận khác                    | (855.504.460)   | (821.625.918)   | (3,96%)     | (975.231.915)        |
| Lợi nhuận trước thuế              | 8.807.149.688   | 5.252.459.308   | (40,36%)    | 16.737.348.154       |
| Lợi nhuận sau thuế                | 8.807.149.688   | 5.252.459.308   | (40,36%)    | 16.737.348.154       |
| Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu | 4.281           | 4.782           | 11,7%       | 6.376                |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, BCTC Quý III/2018 của Công ty CP Vàng Lào Cai*

**BCTC kiểm toán năm 2017 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ban hành đã có nêu vấn đề nhấn mạnh như sau:**

*“Chi phí quản lý Doanh nghiệp và chi phí quản lý dự án trong giai đoạn xây dựng cơ bản với số dư còn lại chưa phân bổ lũy kế đến ngày 31/12/2016 đã được Công ty phân bổ toàn bộ vào kết quả kinh doanh trong năm 2017 là 10.369.300.000 đồng.”*

**Nguyên nhân giảm lợi nhuận năm 2017 so với năm 2016:**

- Chi phí nộp thuế tài nguyên tăng 1% tương đương tăng 955 triệu đồng so với tính thuế tài nguyên năm 2016; cụ thể, mức thuế suất thuế tài nguyên năm 2016 bình quân là 16% doanh thu (không VAT) bán tinh quặng vàng và năm 2017 là 17% doanh thu (không VAT) bán tinh quặng vàng;

- Do năm 2017 các khu vực khai thác đã vào sâu, cung độ vận tải trong lò tăng nên phải tăng chi phí thuê khoán khai thác quặng nguyên khai, mức tăng so với 2016 là 209.255 đồng/tấn; cụ thể năm 2016 giá thuê khoán bình quân là 1.079.545,62 đồng/tấn quặng nguyên khai và năm 2017 là 1.288.800,62 đồng/tấn quặng nguyên khai dẫn tới chi phí thuê khoán khai thác quặng nguyên khai năm 2017 tăng 4,97 tỷ đồng so với năm 2016 dù sản lượng khai thác quặng nguyên khai gần như tương đương (Sản lượng quặng nguyên khai thác năm 2017 tăng 392 tấn so với 2016; cụ thể, năm 2017 khai thác được 19.829 tấn và năm 2016 là 19.437 tấn); mặt khác, năm 2017 tại các khu vực khai thác quặng gặp biến động mạnh về địa chất, các thân quặng bị teo thất, đứt quặng,... dẫn đến chất lượng quặng nguyên khai giảm, tỷ lệ làm nghèo tăng (hàm lượng quặng nguyên khai giảm 1,21 gam Au/tấn), từ đó dẫn đến sản lượng tinh quặng vàng quy đổi ra vàng kim loại sản xuất được năm 2017 đạt thấp hơn năm 2016.

Từ hai nguyên nhân chính nêu trên dẫn đến lợi nhuận năm 2017 giảm so với năm 2016 là 3.554.690.380 đồng.

**Tình hình kinh doanh trong 9 tháng đầu năm 2018:**

Kết quả sản xuất kinh doanh trong 9 tháng đầu năm 2018 đang thể hiện một sự tăng trưởng mạnh mẽ. Thực tế, lợi nhuận sau thuế của Công ty trong 9 tháng đầu năm 2018 lớn hơn gấp 3,2 lần so với lợi nhuận sau thuế của năm 2017, tăng từ 5.252.459.308 đồng lên đến 16.737.348.154 đồng, trong khi doanh thu lúc này mới chỉ bằng 91% so với năm 2017. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu tính đến thời điểm 30/09/2018 cũng tăng 16.737.348.154 đồng so với năm 2017 lên thành 66.945.140.797 đồng, tương ứng tăng 33,33%. Nguyên nhân Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai tính đến QIII/2018 có một sự gia tăng về lợi nhuận lớn như vậy là do Công ty đang có một chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh cùng với chính sách quản trị hợp lý từ Ban lãnh đạo Công ty. Điều này đã giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khá ổn định, nâng cao được năng suất cũng như chất lượng của sản phẩm tinh quặng vàng, đặc biệt là tiết kiệm được rất nhiều chi phí so với năm 2017. Điển hình như chi phí lãi vay giảm từ 3.950.689.321 đồng xuống còn 529.433 đồng, chi phí tài chính giảm từ 2.715.374.416 đồng xuống còn 502.894.434 đồng, chi phí quản lý doanh

nghiệp giảm từ 20.519.315.044 đồng xuống còn 7.441.378.213 đồng (Nguồn: BCTC QIII/2018 của VLC). Nhìn chung, Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai đang có một chính sách, chiến lược và định hướng kinh doanh đúng đắn, giúp Công ty kinh doanh có hiệu quả, đem lại lợi nhuận cao trong những năm gần đây và dự kiến sẽ còn tăng trưởng hơn trong tương lai.

Ngày 08/11/2018, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã ban hành chứng thư thẩm định giá số 55/2018/UHY-BCTĐG<sup>1</sup> về giá trị 4.845.000 cổ phần thuộc sở hữu của Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP tại CTCP Vàng Lào Cai tại thời điểm 30/06/2018, Thẩm định viên sử dụng kết hợp 2 phương pháp để thẩm định giá gồm: Phương pháp tài sản theo Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai và Phương pháp tỷ số bình quân.

Theo chứng thư thẩm định giá, đối với hai phương pháp tài sản và phương pháp tỷ số bình quân có một số hạn chế như sau:

***Phương pháp tài sản:***

Tình trạng hoạt động của Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai sau thời điểm thẩm định giá là sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu tài chính, kế toán, các số liệu liên quan đến kết quả kiểm kê tài sản tại thời điểm ngày 30/06/2018.

Tại thời điểm thẩm định, Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai chưa tiến hành đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu, phải trả. Sau khi thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu công nợ, nếu có chênh lệch trọng yếu sẽ được làm rõ và điều chỉnh cho phù hợp.

Đối với giá trị lợi thế quyền khai thác mỏ:

\* Việc đánh giá lợi thế Giá trị quyền khai thác mỏ đang được tính toán dựa trên giả định Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai được gia hạn giấy phép khai thác Giấy phép số 2915GP - BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/12/2016 (tiếp tục khai thác phần trữ lượng còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số 762/GP-BTNMT ngày 26/04/2011 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp) với thời hạn khai thác theo sản lượng khai thác trung bình từ thời điểm khai thác (tháng 1/2014 đến 30/06/2018). Giá trị này có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố chưa chắc chắn: việc gia hạn giấy phép khai thác cấp phép bị gián đoạn, tạm dừng, công suất khai thác không theo tiến độ đã thực hiện cũng như trữ lượng và tỷ lệ tinh quặng khác biệt so với giấy phép khai thác số 762/GP - BTNMT.

---

<sup>1</sup> Chứng thư thẩm định giá số 55/2018/UHY-BCTĐG có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày ban hành chứng thư

\* Giấy phép số 2915GP - BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/12/2016 (tiếp tục khai thác phần trữ lượng còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số 762/GP-BTNMT ngày 26/04/2011 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp) với thời hạn khai thác đến 26/04/2019 theo sản lượng khai thác trung bình. Giá trị này có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố chưa chắc chắn: việc gia hạn giấy phép khai thác cấp phép bị gián đoạn, tạm dừng, công suất khai thác không theo tiến độ đã thực hiện cũng như trữ lượng và tỷ lệ tinh quặng khác biệt so với giấy phép khai thác số 762/GP - BTNMT.

\* Một số chỉ tiêu ước tính của doanh thu phát triển, chi phí đầu tư bổ sung và chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm phụ thuộc vào khả năng, quyết định của nhà đầu tư và chịu sự ảnh hưởng của biến động thị trường nên kết quả thẩm định giá sẽ bị ảnh hưởng do sự thay đổi (nếu có) của các chỉ tiêu này trong quá trình thực tế triển khai dự án. Những thông tin giả định được ước tính dựa trên tình hình khai thác thực tế và những tài liệu Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai cung cấp tại thời điểm thẩm định giá.

***Phương pháp tỷ số bình quân:***

Số lượng doanh nghiệp tương tự ít (ngành nghề chính, thị trường, khách hàng, các chỉ số tài chính).

Sau khi tính toán dựa trên cơ sở hai phương pháp trên, giá trị cổ phiếu được xác định như sau:

- Giá trị cổ phiếu theo phương pháp tài sản được xác định là: 10.593 đồng/cổ phần.
- Giá trị cổ phiếu theo phương pháp tỷ số bình quân được xác định là: 9.388 đồng/cổ phần.

Theo điểm II.2 của Tiêu chuẩn thẩm định giá số 12 – Các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá doanh nghiệp: “*Các cách tiếp cận áp dụng trong thẩm định giá doanh nghiệp bao gồm: cách tiếp cận từ thị trường, cách tiếp cận từ chi phí và cách tiếp cận từ thu nhập. Doanh nghiệp thẩm định giá có thể sử dụng tất cả các cách tiếp cận để thẩm định giá trị doanh nghiệp*”. Trên cơ sở phân tích kết quả xác định giá trị doanh nghiệp theo từng phương pháp, Thẩm định viên sử dụng kết quả thẩm định theo phương pháp tài sản để xác định giá trị cổ phiếu, kết quả xác định theo phương pháp tỷ số bình quân để tham khảo. Theo đó, kết quả xác định giá trị cổ phần cuối cùng được xác định theo phương pháp tài sản là: 10.593 đồng/cổ phần.

**Bảng tổng hợp kết quả xác định giá trị cổ phần:**

| Chỉ tiêu                            | Đơn vị tính | Số liệu sổ sách | Số liệu xác định lại | Chênh lệch     |
|-------------------------------------|-------------|-----------------|----------------------|----------------|
| Tổng tài sản (Giá trị Doanh nghiệp) | VND         | 99.643.862.980  | 144.101.290.216      | 44.457.427.236 |

|                           |     |                 |                 |                |
|---------------------------|-----|-----------------|-----------------|----------------|
| Nợ phải trả               | VND | 32.875.023.674  | 32.875.023.674  | -              |
| Vốn chủ sở hữu            | VND | 66.768.839.306  | 111.226.266.542 | 44.457.427.236 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | VND | 105.000.000.000 | 105.000.000.000 | -              |
| Tổng số lượng cổ phần     | CP  | 10.500.000      | 10.500.000      | -              |
| Giá trị 01 cổ phần        | VND | 6.359           | 10.593          | 4.234          |

*Nguồn: Chứng thư thẩm định giá số 55/2018/UHY-BCTĐG*

Giá trị tài sản chênh lệch lớn nhất sau khi thẩm định viên xác định lại giá trị là Quyền khai thác mỏ của Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai, cao hơn giá trị sổ sách 41.264.311.141 đồng. Việc đánh giá Giá trị quyền khai thác mỏ được thẩm định viên tính toán dựa trên giả định Công ty cổ phần Vàng Lào Cai được gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản đến năm 2021 tại Bảng xác định giá trị lợi thế quyền khai thác mỏ<sup>2</sup>. Theo đó, căn cứ trên bảng tính toán hiệu quả, dự tính đến năm 2021, Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai sẽ hết lỗ lũy kế. Đến ngày 26/04/2019, giấy phép khai thác khoáng sản số 2915/GP-BTNMT do Bộ tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/12/2016 hết hạn nên Công ty sẽ làm thủ tục xin gia hạn giấy phép. Công ty đánh giá khả năng Công ty được tiếp tục chấp thuận gia hạn giấy phép khai thác mỏ là khả thi.

## **10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### ***a) Vị thế của công ty trong ngành:***

Công ty cổ phần vàng Lào Cai là một trong những Công ty chuyên sản xuất tinh quặng vàng của Việt Nam với trữ lượng địa chất: 92.670 tấn quặng vàng; trữ lượng khai thác: 89.702 tấn quặng vàng; công suất khai thác được cấp phép: Năm 2016: 22.000 tấn quặng vàng, năm 2017 - 2018: 28.000 tấn quặng vàng/năm, năm 2019: 11.702 tấn quặng vàng, thời hạn Giấy phép khai thác đến 26 tháng 4 năm 2019.

VLC nằm trên địa bàn được đánh giá có tiềm năng rất lớn về tài nguyên vàng gốc khu vực Tây Bắc Việt Nam. Theo định hướng phát triển, VLC nhiều khả năng sẽ được mở rộng quyền khai thác mỏ theo cả hai hướng sau:

- Được khai thác khu vực mỏ hiện có với chiều sâu khai thác thêm 100m so với giấy phép hiện hành.

- Được mở rộng phạm vi khai thác thêm hơn 120 ha (phạm vi mở rộng thuộc khu vực vùng đệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản và chống “vàng tặc” Công ty đang quản lý).

Với các chính sách ưu đãi của địa phương cũng như tiềm năng phát triển lâu dài của Công ty, Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai có sở để ngày càng mở rộng và tạo được thương hiệu uy tín trên thị trường so với các doanh nghiệp cùng ngành.

<sup>2</sup> Chi tiết Bảng xác định giá trị lợi thế quyền khai thác mỏ xem tại Phụ lục số 03 đính kèm Bản tóm tắt thông tin này.

### ***b) Triển vọng phát triển của ngành:***

Kết quả điều tra địa chất cho thấy Việt Nam đã phát hiện ra nhiều mỏ quặng chì kẽm, vàng có giá trị và phân bố rải rác ở nhiều nơi. Các loại như quặng chì kẽm, quặng đồng, quặng thiếc, quặng nhôm tập trung nhiều ở Tây Ninh, Lâm Đồng, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai,... riêng quặng kim loại quý như vàng đã được điều tra phát hiện ở nhiều vùng trên cả nước và một vài mỏ đã được đưa vào khai thác. Như vậy, trữ lượng và các loại khoáng sản kim loại của Việt Nam là khá phong phú. Những năm gần đây, sản lượng khai thác và xuất khẩu một số loại khoáng sản tăng mạnh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của một số địa phương và cả nước. Khai thác khoáng sản nói chung và khoáng sản kim loại quý hiếm nói riêng luôn có tiềm năng đem lại cho doanh nghiệp những nguồn lợi đáng kể. Do vậy, hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp có năng lực tài chính và sản xuất đang tập trung vào việc xin cấp phép thăm dò và khai thác khoáng sản. Khoáng sản kim loại nói chung và khoáng sản vàng nói riêng luôn được đánh giá là nguồn tài nguyên quý hiếm và có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế. Các chuyên gia kinh tế đều nhận định rằng ngành khai thác khoáng sản sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian sắp tới.

### ***c) Một số thuận lợi và khó khăn cơ bản:***

#### ***\* Thuận lợi cơ bản:***

VLC luôn nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ, hỗ trợ của các cấp chính quyền địa phương, của các cổ đông, đặc biệt là Công ty mẹ Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - VIMICO và các đơn vị chi nhánh của Tổng công ty tại Lào Cai,...

VLC luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo sát sao, kịp thời của các cổ đông, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Cuối năm 2016 đầu năm 2017 Công ty đã hoàn thành công tác gia hạn giấy phép khai thác mỏ nên đã tạo được niềm tin, động lực cho tập thể CBCNV Công ty tiếp tục cố gắng phấn đấu vượt qua khó khăn, cũng như các đơn vị, tổ đội nhận thuê khoán khai thác mạnh dạn đầu tư đào lò khai thác.

Cuối năm 2017 ÷ đầu năm 2018 giá vàng thế giới đang duy trì ở mức cao trên 1300 USD/oz tạo điều kiện tốt để Công ty có thể nâng cao được hiệu quả SXKD.

Với tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm” kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của VLC các năm 2016, 2017 đã được duy trì ổn định và thu được lợi nhuận.

#### ***\* Khó khăn cơ bản:***

Tình hình địa chất có sự biến động khá mạnh, hầu hết các thân quặng 10A, 10B, 9B, 8B, 8A1, 8A2 đã và đang khai thác đều mỏng, có sự biến động teo thất, đứt quãng, xô dịch, nhảy cách, có sự sai lệch khá lớn so với tài liệu địa chất. Do vậy, thực tế quá trình sản xuất luôn phải điều chỉnh tương ứng theo thực tế địa chất và phù hợp với điều

kiện sản xuất. Công tác kế hoạch kỹ thuật, biện pháp thi công được xây dựng từ đầu năm trên cơ sở tài liệu địa chất gần như chỉ mang tính định hướng, tham khảo và phải điều chỉnh liên tục trong quá trình điều hành sản xuất.

Các thân quặng tại mỏ vàng Minh Lương đều mỏng, trữ lượng không lớn và nằm phân tán ở bốn khu vực đồi cách xa nhau từ  $1 \div 5$  km. Do vậy, để đảm bảo quản lý tốt sản phẩm quặng nguyên khai sau khai thác và tiết kiệm vốn đầu tư khai thông mỏ vỉa nên Công ty phải tổ chức khai thác theo hình thức cuốn chiếu từng khu vực không triển khai khai thác ồ ạt đồng loạt toàn bộ các thân quặng trong mỏ. Mặt khác, tại các thân quặng đang khai thác, phần tài nguyên nằm trong giới hạn chiều sâu được cấp phép (cos +505 trở lên) đã gần hết (để khai xuống sâu bên dưới mức cấp phép thì phải thăm dò nâng cấp trữ lượng) trong khi đó quá trình thực hiện khai thông mỏ vỉa khai thác thân quặng 7 (bãi 3) là thân quặng được nhận định là có hàm lượng, trữ lượng vàng tốt nhất mỏ bị chậm tiến độ do khó khăn trong giải phóng mặt bằng (đến quý III/2017 mới hoàn thành công tác BTGPMB và triển khai đào lò chuẩn bị sản xuất) và điều kiện thi công khó khăn phức tạp (nhiều nước gây sập sạt lò) nên dự kiến đến quý IV/năm 2018 mới có thể bắt đầu khai thác được quặng nguyên khai tại thân quặng này. Từ những nguyên nhân đó dẫn tới sản lượng khai thác trong thời gian vừa qua chưa thể đạt được công suất thiết kế (hiện mới chỉ đạt trên 40% công suất thiết kế giai đoạn 1).

Vòng đời dự án ngắn, thời gian đầu tư kéo dài, sản lượng khai thác mới chỉ đạt được khoảng trên 40% công suất thiết kế giai đoạn 1, dẫn đến chi phí khấu hao, chi phí trước hoạt động, chi phí lãi vay,... những năm đầu đưa dự án vào hoạt động chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nên kết quả sản xuất kinh doanh lợi nhuận đạt được chưa cao dẫn tới khó khăn về tài chính, các khoản trả nợ đến hạn, các nộp thuế, bị chậm dẫn đến phát sinh thêm lãi chậm nộp, phạt chậm nộp làm tăng thêm chi phí. Tính đến hết 30/09/2018 tình hình tài chính tuy đã được cải thiện nhiều song vẫn còn rất khó khăn do khoản lỗ lũy kế từ năm 2014, 2015 để lại và vẫn còn nợ các nhà thầu thi công xây dựng.

Chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực khai thác khoáng sản (thuế, phí,...) không ổn định, có xu hướng ngày càng tăng cao. Do vậy, tổng các loại thuế, phí đối với khai thác quặng vàng được duy trì ở mức rất cao, chiếm  $30 \div 35\%$  doanh thu tiêu thụ sản phẩm khoáng sản của Công ty, làm tăng mạnh giá thành tiêu thụ sản phẩm tinh quặng vàng và làm giảm lợi nhuận.

Do các thân quặng tại mỏ Minh Lương nằm phân tán, địa hình cao, việc thi công các tuyến đường để vận chuyển quặng gặp khó khăn, chi phí vận chuyển lớn. Đa số các thân quặng đều có chiều dày mỏng nên công tác tổ chức khai thác gặp nhiều khó khăn, hệ số làm nghèo lớn, điều kiện địa chất tại một số thân quặng phức tạp, bên cạnh đó trong quá trình khai thác tại một số vị trí thân quặng lại gặp phải các lò khai thác trái phép trước đây (chủ yếu trên phần gần mặt địa hình) nên công tác quản lý kỹ thuật,

quản lý chất lượng quặng nguyên khai khai thác, quản lý an toàn cũng gặp phải nhiều khó khăn.

Hiện nay, công tác bảo vệ tài nguyên, bảo vệ quặng sau khai thác của Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn do lực lượng bảo vệ mỏng mặc dù đã được Tổng công ty tăng cường lực lượng hỗ trợ thêm nhưng do địa bàn mỏ trải rộng, bên cạnh đó tình hình an ninh trật tự diễn biến phức tạp, hiện tượng đào lò khai thác quặng trái phép trong khu vực vùng đệm diễn ra liên tục với số lượng, quy mô ngày càng tăng, các đối tượng vàng tặc ngày càng lý lợm, hung hãn, manh động, chống đối quyết liệt lực lượng bảo vệ Công ty trong công tác bảo vệ mỏ và khi Công ty tiến hành truy quét, truy đuổi (đặc biệt là khu vực vùng đệm Pú Mẹo).

Do đặc điểm địa chất đất đá mềm yếu, đặc điểm tồn tại của các khối trữ lượng khoáng sản các thân quặng mỏng, teo thất, đứt quãng, đường phương biến động liên tục xê dịch,... nên để đảm được hiệu quả kinh tế bắt buộc phải điều chỉnh tiết diện lò vận tải, lò dọc vỉa, buồng khẩu quặng cho phù hợp. Do đó làm tăng cao nguy cơ mất an toàn như: Ngạt khí, rơi ngã khi đi lại, nổ mìn,... Do vậy, Công ty cũng phải tăng chi phí cho công tác đảm bảo an toàn sản xuất.

Mặc dù đã được sắp xếp cơ cấu tổ chức lại các phòng ban phân xưởng (*hiện nay Công ty có 3 phòng, 1 đội bảo vệ, 1 tổ nổ mìn, 1 tổ KCS và 1 phân xưởng Tuyển Khoáng*) tuy nhiên do biến động địa chất cũng như ảnh hưởng bởi thời tiết nên sản lượng khai thác không được duy trì ổn định, có những thời điểm thiếu quặng nguyên khai sản xuất, có thời điểm quặng nguyên khai dồn về nhiều, công tác tổ chức sản xuất tuyển quặng phải bổ sung tăng cường lao động từ Chi nhánh Luyện đồng và Chi nhánh Mỏ Tuyển đồng Sin Quyền hỗ trợ dẫn đến khó chủ động được trong việc điều hành sản xuất.

Công ty đóng ở vùng xa, đường xá đi lại khó khăn, giá cả các loại nhu yếu phẩm phục vụ đời sống đắt đỏ, tình hình an ninh trật tự phức tạp, tệ nạn xã hội nhiều, trình độ dân trí chưa cao, nhận thức của người dân còn hạn chế, thích làm việc tự do, gây khó khăn trong công tác tuyển dụng, thu hút lao động đặc biệt là lao động có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, tay nghề trong công tác khai mỏ hầm lò. Do vậy, toàn bộ khâu khai thác quặng nguyên khai phải thuê ngoài, dẫn đến sự chủ động trong sản xuất bị hạn chế và gây khó khăn, tăng chi phí cho công tác bảo vệ sản phẩm sau khai thác.

#### **d) Chính sách đối với người lao động**

##### **\* Số lượng, cơ cấu lao động của Công ty (Tại thời điểm 30/09/2018):**

| STT | Tiêu chí                                    | Số người | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------------------------------------|----------|-----------|
| I   | Phân loại theo trình độ chuyên môn lao động | 43       | 100       |
| 1   | Trên đại học                                | 0        | 0         |

| STT | Tiêu chí                                   | Số người | Tỷ lệ (%) |
|-----|--------------------------------------------|----------|-----------|
| 2   | Trình độ đại học và tương đương            | 17       | 40        |
| 3   | Trình độ cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp | 5        | 12        |
| 4   | Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp nghề, CNKT     | 21       | 49        |
| II  | Phân loại theo Hợp đồng lao động           | 43       | 100       |
| 1   | Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ          | 3        | 7         |
| 2   | Hợp đồng Lao động không xác định thời hạn  | 37       | 86        |
| 3   | Hợp đồng Lao động thời hạn 1÷3 năm         | 3        | 7         |
| 4   | Hợp đồng Lao động thời vụ                  | 0        | 0         |
| III | Phân loại theo giới tính                   | 43       | 100       |
| 1   | Lao động là Nam giới                       | 40       | 93        |
| 2   | Lao động là Nữ giới                        | 3        | 7         |

*Nguồn: CTCP Vàng Lào Cai*

**\* Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:**

Để đảm bảo giữ chân được người lao động, hiện tại công ty duy trì chế độ trả lương khá cao so với các đơn vị khác địa bàn (thu nhập tiền lương bình quân 8,5 triệu đồng/người/tháng). Các chế độ về bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ, đóng BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện đầy đủ đúng quy định của pháp luật.

Công ty thực hiện nghiêm túc và đầy đủ những quy định về an toàn và bảo hộ lao động. Với mục tiêu tránh không để xảy ra tai nạn lao động, Công ty nghiêm túc kiểm tra việc chấp hành, tuân thủ các quy tắc an toàn lao động. Hàng năm, người lao động trong Công ty được hướng dẫn kỹ về an toàn lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Công ty có quy chế đào tạo và nâng bậc lương cụ thể cho CBCNV. Với chủ trương đào tạo và nâng bậc là công tác thường xuyên của đơn vị nhằm bồi dưỡng, đổi mới đội ngũ cán bộ công nhân theo hướng phát triển của đơn vị, nâng cao năng lực, nâng cao đời sống người lao động.

Công tác ký kết hợp đồng lao động và giải quyết thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động, thủ tục nâng bậc lương, chuyển xếp lương đối với người lao động đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Lao động.

Bên cạnh đó, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng, kỹ thuật hợp lý, khuyến

khích các cá nhân đưa ra sáng kiến tiết kiệm chi phí, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật... Đồng thời Công ty cũng nghiêm khắc kỷ luật những cá nhân vi phạm các quy định của Công ty, gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh.

**\* Mức lương bình quân:**

| Chỉ tiêu                              | Năm 2016      | Năm 2017      |
|---------------------------------------|---------------|---------------|
| Quỹ lương (đồng)                      | 5.500.000.000 | 6.299.000.000 |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 9.300.000     | 8.750.000     |

Nguồn: Công ty CP Vàng Lào Cai

## 11. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện việc chi trả cổ tức theo Điều 46 Điều lệ Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai như sau:

*”- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức HĐQT đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.*

*- HĐQT có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.*

*- Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.*

*- HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phần và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.*

*- Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.*

*- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những*

người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

- Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.”

Từ khi thành lập cho đến nay, Công ty cổ phần Vàng Lào Cai có lỗ lũy kế dẫn tới việc không có nguồn để chi trả cổ tức.

## **12. Tình hình tài chính**

### **12.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

#### **a) Trích khấu hao tài sản cố định:**

- Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí khác có liên quan trực tiếp mà Công ty đã bỏ ra đến thời điểm đưa tài sản cố định vào vị trí sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận, hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Đối với tài sản cố định khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng; thời gian khấu hao được tính theo khung thời gian quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013, thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

| <b>Nhóm tài sản</b>     | <b>Thời gian khấu hao (năm)</b> |
|-------------------------|---------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc  | 8 - 25 năm                      |
| Máy móc, thiết bị       | 5 - 15 năm                      |
| Phương tiện vận tải     | 5 - 10 năm                      |
| Thiết bị văn phòng      | 5 năm                           |
| Tài sản cố định vô hình | 3 - 20 năm                      |
| Tài sản thuê tài chính  | 6 - 10 năm                      |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 Công ty CP Vàng Lào Cai*

#### **a) Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Công ty thực hiện tốt việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Đến thời điểm 30/9/2018 Công ty không có nợ vay quá hạn phải trả.

#### **b) Các khoản phải nộp theo luật định:**

Công ty luôn chấp hành việc kê khai thuế và nộp thuế theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do thiếu vốn lưu động nên vẫn xảy ra tình trạng nợ thuế dẫn đến việc bị tính lãi chậm nộp. Số dư thuế và các khoản phải nộp của Công ty qua các năm như sau:

Đơn vị tính: đồng

| Khoản mục                              | 31/12/2016            | 31/12/2017            | 30/9/2018             |
|----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng đầu ra           | -                     | 3.263.590.368         | 3.656.75.269          |
| Thuế tài nguyên                        | 8.969.898.300         | 8.469.240.595         | 5.867.839.617         |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 1.997.333.806         | 2.890.683.267         | 827.585.000           |
| <b>Tổng cộng</b>                       | <b>10.967.232.106</b> | <b>14.623.514.230</b> | <b>10.352.149.886</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, BCTC Quý III/2018 Công ty CP Vàng Lào Cai

**c) Trích lập các quỹ theo luật định:**

Công ty đang có lỗ lũy kế nên không trích lập quỹ.

**d) Tổng dư nợ vay:**

Đơn vị tính: đồng

| Khoản mục                            | 31/12/2016           | 31/12/2017        | 30/09/2018 |
|--------------------------------------|----------------------|-------------------|------------|
| <b>Vay nợ ngắn hạn, trong đó:</b>    | <b>6.822.911.875</b> | <b>53.474.090</b> | -          |
| - Vay ngắn hạn                       | -                    | -                 | -          |
| - Vay và nợ dài hạn đến hạn phải trả | 6.822.911.875        | 53.474.090        | -          |
| <b>Vay nợ dài hạn, trong đó:</b>     | <b>53.343.090</b>    | -                 | -          |
| - Vay dài hạn                        | 53.343.090           | -                 | -          |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>6.876.254.965</b> | <b>53.474.090</b> | -          |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, BCTC Quý III/2018 của Công ty CP Vàng Lào Cai

**e) Tình hình công nợ hiện nay:**

Đơn vị tính: đồng

| TT       | Chỉ tiêu                           | 31/12/2016           | 31/12/2017           | 30/09/2018           |
|----------|------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <b>I</b> | <b>Các khoản phải thu</b>          | <b>4.909.052.892</b> | <b>4.253.185.898</b> | <b>9.258.005.561</b> |
| <b>1</b> | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b> | <b>706.916.289</b>   | <b>57.576.572</b>    | <b>4.137.468.561</b> |
| 1.1      | Phải thu ngắn hạn của khách hàng   | 52.716.291           | 52.716.291           | 3.616.487.003        |
| 1.2      | Trả trước cho người bán ngắn hạn   | -                    | -                    | 30.000.000           |
| 1.3      | Phải thu ngắn hạn khác             | 654.199.998          | 4.860.281            | 490.981.558          |
| <b>2</b> | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>  | <b>4.202.136.603</b> | <b>4.195.609.326</b> | <b>5.120.537.000</b> |
| 2.1      | Phải thu dài hạn khác              | 4.202.136.603        | 4.195.609.326        | 5.120.537.000        |

| TT        | Chỉ tiêu                            | 31/12/2016            | 31/12/2017            | 30/09/2018            |
|-----------|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>II</b> | <b>Các khoản phải trả</b>           | <b>90.472.520.270</b> | <b>61.858.540.116</b> | <b>22.512.258.319</b> |
| <b>1</b>  | <b>Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>90.419.177.180</b> | <b>61.858.540.116</b> | <b>22.512.258.319</b> |
| 1.1       | Phải trả cho người bán ngắn hạn     | 22.052.717.920        | 16.312.715.739        | 7.653.843.553         |
| 1.2       | Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 30.747.902.205        | 8.618.601.855         | -                     |
| 1.3       | Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 10.967.232.106        | 14.623.514.230        | 10.353.136.786        |
| 1.4       | Phải trả người lao động             | 1.684.109.020         | 1.822.562.546         | 1.774.724.211         |
| 1.5       | Chi phí phải trả ngắn hạn           | 477.013.927           | 310.186.000           | 2.553.790.909         |
| 1.6       | Phải trả ngắn hạn khác              | 17.667.290.127        | 20.117.485.656        | 176.762.860           |
| 1.7       | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn   | 6.822.911.875         | 53.474.090            | -                     |
| <b>2</b>  | <b>Nợ dài hạn</b>                   | <b>53.343.090</b>     | -                     | -                     |
| 2.1       | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn    | <b>53.343.090</b>     | -                     | -                     |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, BCTC Quý III/2018 của Công ty CP Vàng Lào Cai*

**f) Hàng tồn kho:**

*Đơn vị tính: đồng*

| TT          | Khoản mục                            | 31/12/2016            | 31/12/2017            | 30/09/2018           |
|-------------|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| 1           | Nguyên liệu, vật liệu                | 607.759.380           | 699.968.772           | 1.021.789.105        |
| 2           | Công cụ, dụng cụ                     | 377.312.024           | 282.669.623           | 262.240.767          |
| 3           | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.413.859.507         | 2.197.070.729         | -                    |
| 4           | Thành phẩm                           | 10.480.049.976        | 12.727.608.127        | 2.540.815.199        |
| <b>Tổng</b> |                                      | <b>14.878.980.887</b> | <b>15.907.317.251</b> | <b>3.824.845.071</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, BCTC Quý III/2018 của Công ty CP Vàng Lào Cai*

## 12.2. Các chỉ số tài chính cơ bản

| Chỉ tiêu                                                                 | ĐVT | Năm 2016 | Năm 2017 |
|--------------------------------------------------------------------------|-----|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)</b>                             |     |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (= Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)               | Lần | 0,19     | 0,28     |
| Hệ số thanh toán nhanh [= (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn] | Lần | 0,02     | 0,02     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)</b>                                        |     |          |          |
| Nợ/Tổng tài sản (D/A)                                                    | %   | 66,80    | 55,20    |
| Nợ/Vốn chủ sở hữu (D/E)                                                  | %   | 201,25   | 123,21   |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)</b>                              |     |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho (= Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bq)              | Lần | 4,20     | 4,52     |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản bq                                          | Lần | 0,74     | 0,80     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)</b>                                 |     |          |          |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)                                 | %   | 8,76     | 5,31     |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq (ROE)                               | %   | 19,59    | 11,03    |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq (ROA)                                 | %   | 6,50     | 4,24     |
| Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần                                        | %   | 9,61     | 6,14     |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty CP Vàng Lào Cai

## 13. Tài sản của Công ty:

### 13.1. Tài sản cố định tại ngày 31/12/2017:

Đơn vị tính: đồng

| TT | Khoản mục                       | Nguyên giá (NG)        | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (%)   |
|----|---------------------------------|------------------------|------------------------|---------------|
| I  | <b>Tài sản cố định hữu hình</b> | <b>143.706.429.359</b> | <b>81.827.088.213</b>  | <b>56,94%</b> |
| 1  | Nhà cửa, vật kiến trúc          | 101.519.930.696        | 59.418.399.769         | 58,53%        |
| 2  | Phương tiện vận tải truyền dẫn  | 8.405.216.163          | 4.054.499.610          | 48,24%        |
| 3  | Thiết bị dụng cụ quản lý        | 271.154.871            | 101.558.185            | 37,45%        |

| TT         | Khoản mục                             | Nguyên giá<br>(NG)     | Giá trị còn lại<br>(GTCL) | GTCL/NG<br>(%) |
|------------|---------------------------------------|------------------------|---------------------------|----------------|
| 4          | Máy móc thiết bị                      | 33.510.127.629         | 18.252.630.649            | 54,47%         |
| <b>II</b>  | <b>Tài sản cố định vô hình</b>        | <b>16.840.322.074</b>  | <b>3.901.786.000</b>      | <b>23,17%</b>  |
| 1          | Phần mềm máy vi tính                  | 45.000.000             | -                         | 0%             |
| 2          | TSCĐ vô hình khác                     | 16.795.322.074         | 3.901.786.000             | 23,23%         |
| <b>III</b> | <b>Tài sản cố định thuê tài chính</b> | <b>1.164.511.900</b>   | <b>821.556.098</b>        | <b>70,55%</b>  |
| 1          | Máy móc thiết bị                      | 1.164.511.900          | 821.556.098               | 70,55%         |
|            | <b>Cộng</b>                           | <b>161.711.263.333</b> | <b>86.550.430.311</b>     | <b>53,52%</b>  |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty CP Vàng Lào Cai*

### 13.2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

*Đơn vị tính: đồng*

| TT | Khoản mục                                                                           | 31/12/2016 | 31/12/2017        | 30/09/2018        |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------|-------------------|
| 1  | Dự án Thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng mỏ vàng gốc Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai | -          | 85.454.545        | 85.454.545        |
|    | <b>Tổng</b>                                                                         | <b>-</b>   | <b>85.454.545</b> | <b>85.454.545</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, BCTC Quý III/2018 của Công ty CP Vàng Lào Cai*

### 13.3. Tình hình đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng:

Hiện tại các hợp đồng thuê đất của Công ty đã hết hạn, Công ty đã tiến hành thực hiện các thủ tục thuê đất với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền; tuy nhiên, hiện vẫn chưa hoàn thành do phải chờ cơ quan quản lý Nhà nước (Chính phủ, UBND tỉnh Lào Cai, UBND huyện Văn Bàn) thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đến thời điểm hiện tại, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Lào Cai đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 63/NQ - CP ngày 17/5/2018 và UBND huyện Văn Bàn đã hoàn thành lập quy hoạch sử dụng đất trình UBND tỉnh Lào Cai thẩm định, phê duyệt. Như vậy, thủ tục thuê đất của Công ty dự kiến sẽ hoàn thành trong thời gian sắp tới.

Tổng diện tích thực tế sử dụng đất (từ tháng 11/2015 đến nay): 41,58 ha, trong đó:

+) Diện tích mặt mỏ phục vụ khai thác, các công trình khai thác, phụ trợ khai thác mỏ, đường vận tải nội bộ: 25,846 ha.

+) Diện tích khu vực xưởng tuyển, bãi thải quặng đuôi, phụ trợ: 13,155 ha.

+) Diện tích khu văn phòng điều hành và nhà ở cán bộ nhân viên: 2,576 ha.

**- Ghi chú:**

+) Phần diện tích còn lại là diện tích mặt mỏ (thuộc 112ha diện tích mỏ được giao) chỉ quản lý để bảo vệ tài nguyên khoáng sản (không phải thuê đất, do sử dụng công nghệ khai thác hầm lò).

+) Phần diện tích 41,58 ha đang quản lý, sử dụng Công ty đã kê khai và nộp tiền thuê đất theo quy định đến hết 30/6/2018.

| STT | Lô đất                                                 | Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> ) | Công trình trên bãi                                                      | Mục đích sử dụng                                                                                      | Nguồn gốc sử dụng                                                                        | Thời hạn sử dụng             |
|-----|--------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1   | Khu đất tại Xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai | 58.900                              | Khu hồ thải quặng đuôi, đập chắn bãi thải                                | Đất cho hoạt động khoáng sản (Khai thác, tuyển và luyện quặng vàng gốc theo dự án mỏ vàng Minh Lương) | Thuê đất trả tiền hàng năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 16/HĐTD ký ngày 22/04/2013 | Từ 22/04/2013 đến 18/11/2015 |
| 2   | Minh Lương, Văn Bàn, Lào Cai                           | 469.748,5                           | Khu công trường mỏ, đường nội mỏ, văn phòng điều hành, khu nhà ở tập thể | Đất cho hoạt động khoáng sản (Khai thác, tuyển và luyện quặng vàng gốc theo dự án mỏ vàng Minh Lương) | Thuê đất trả tiền hàng năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 95/HĐTD ký ngày 08/11/2012 | 08/11/2012 Đến 18/11/2015    |

*Nguồn: Công ty CP Vàng Lào Cai*

#### 14. Kế hoạch lợi nhuận năm tiếp theo

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu                                       | Năm 2018        |                             | Năm 2019        |                             |
|------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|
|                                                | Kế hoạch        | % tăng giảm so với năm 2017 | Kế hoạch        | % tăng giảm so với năm 2018 |
| Vốn điều lệ                                    | 105.000.000.000 | -                           | 105.000.000.000 | -                           |
| Doanh thu thuần                                | 103.000.000.000 | 4,12%                       | 108.000.000.000 | 4,85%                       |
| Lợi nhuận sau thuế                             | 5.600.000.000   | 6,62%                       | 12.000.000.000  | 114,29%                     |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) | 5,44%           | -                           | 11,11%          | -                           |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ           | 5,33%           | -                           | 11,43%          | -                           |
| Cổ tức                                         | -               | -                           | -               | -                           |

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

#### Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Để đảm bảo hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, Ban Giám đốc đã đề ra các biện pháp thực hiện, bao gồm:

- Thường xuyên củng cố bộ máy theo hướng nhân lực giỏi, tinh gọn và hiệu quả, phù hợp yêu cầu hoạt động của Công ty.
- Lập kế hoạch đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty.
- Bám sát các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tình hình thực tế để chỉ đạo Ban điều hành Công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh với mục tiêu Ổn định - An toàn - Hiệu quả. Trong đó tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác giám sát khai thác đảm bảo hàm lượng quặng nguyên khai đầu vào  $\geq 7$  gam/tấn, quyết liệt trong công tác bảo vệ tài nguyên kết hợp nhiều giải pháp.
- Tinh gọn và hợp lý bộ máy quản lý để linh hoạt trong hoạt động; điều hành có hiệu quả công tác giao khoán khai thác, thực hiện mục tiêu: nâng cao sản lượng, chất lượng, an toàn, quản lý tốt sản phẩm khai thác ra.
- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình,

nhằm thông qua và quyết định giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến công tác SXKD của Công ty.

- Chỉ đạo rà soát, bổ sung, điều chỉnh các Quy chế quản lý, các Nội qui - qui định nội bộ cũng như các quy trình - qui phạm, định mức kỹ thuật phục vụ sản xuất, nhằm đảm bảo tính pháp lý và linh hoạt trong điều hành sản xuất
- Có kế hoạch cụ thể trong việc thu hồi công nợ khách hàng.
- Quản lý có hiệu quả và tiết kiệm các nguồn lực tài chính và các khoản chi phí trong hoạt động SXKD.

Tính đến thời điểm 30/09/2018, doanh thu thuần của Công ty đã đạt 87,31% so với kế hoạch, tương đương với 89.929.490.868 đồng. Tuy doanh thu chưa đạt được theo kế hoạch đề ra nhưng lợi nhuận sau thuế đã vượt kế hoạch. Thực tế, lợi nhuận sau thuế của Công ty đang đạt 16.737.348.154 đồng, gấp gần 3 lần so với kế hoạch của cả năm 2018. Từ đó, các chỉ số ROS và ROE cũng cao hơn kế hoạch lần lượt là 13,17% và 10,61%. Do vậy, có thể thấy Công ty cổ phần Vàng Lào Cai đang hoạt động ngày càng hiệu quả, có lãi và giảm bớt lỗ lũy kế hàng năm.

#### **15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty:**

Không có

#### **16. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh**

Mục tiêu của Công ty là: Sản xuất ổn định, tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị phù hợp với tình hình thực tế; Tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm tinh quặng vàng, ổn định thu nhập cho người lao động; Quản lý và bảo vệ an toàn nguồn tài nguyên khoáng sản, ranh giới mỏ; đảm bảo an toàn lao động; an toàn môi trường, phòng cháy chữa cháy, giữ gìn tốt an ninh trật tự trong toàn Công ty.

Chiến lược phát triển của Công ty: Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, đồng thời tiến hành triển khai Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng Mỏ vàng gốc Minh Lương, Văn Bàn Lào Cai nhằm chuẩn bị nguồn tài nguyên cho các năm tiếp theo.

#### **17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu:**

Không có

## **II. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị**

#### **a) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Vàng Lào Cai (VLC) gồm:**

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|----|-----------|---------|---------|
|----|-----------|---------|---------|

|   |                       |                                |                         |
|---|-----------------------|--------------------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Trịnh Văn Tuệ     | Chủ tịch HĐQT VLC              | TV HĐQT không điều hành |
| 2 | Ông Đặng Văn Lâm      | Thành viên HĐQT, Giám đốc,     | TV HĐQT điều hành       |
| 3 | Ông Mạc Văn Tiến      | Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc, | TV HĐQT điều hành       |
| 4 | Ông Cao Anh Hào       | Thành viên HĐQT VLC            | TV HĐQT độc lập         |
| 5 | Ông Nguyễn Cao Khương | Thành viên HĐQTVLC             | TV HĐQT không điều hành |
| 6 | Ông Phạm Hồng Thịnh   | Thành viên HĐQT VLC            | TV HĐQT không điều hành |
| 7 | Ông Nguyễn Mạnh Hùng  | Thành viên HĐQTVLC             | TV HĐQT không điều hành |

**b) Sơ yếu lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị VLC:**

**\*) Ông Trịnh Văn Tuệ – Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên: TRỊNH VĂN TUỆ
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 28/02/1972
- Nơi sinh: Xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội)
- CMND số: 001072009253; ngày cấp: 14/07/2016; nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Quê quán: xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây
- Địa chỉ Hộ khẩu thường trú: Liên kè 17-28 Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Chỗ ở hiện tại: Liên kè 17-28 Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- ĐT liên lạc: 0982176255
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa Xí nghiệp
- Chức vụ tại VLC: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện cho Tổng công ty khoáng sản TKV – CTCP tại VLC: 4.845.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 46,14%

- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:

+ Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

+ Tổ chức có liên quan: Tổng công ty khoáng sản TKV - CTCP sở hữu 4.845.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 46,14%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Những khoản nợ với VLC: Không có

- Lợi ích liên quan với VLC: Là người đại diện pháp luật của tổ chức (Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP) có Hợp đồng hợp tác kinh doanh tiêu thụ toàn bộ sản phẩm Tinh quặng vàng của VLC.

- Quá trình công tác:

| <b>Thời gian</b>  | <b>Đơn vị công tác</b>                   | <b>Chức vụ</b>                      |
|-------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|
| 05/1992 ÷ 12/1994 | Xí nghiệp Thiếc sơn Dương<br>Tuyên Quang | Công nhân sửa chữa                  |
| 08/1994 ÷ 11/2000 | Xí nghiệp liên doanh đồng<br>Lào Cai     | Công nhân                           |
| 12/2000 ÷ 02/2004 | Xí nghiệp liên doanh đồng<br>Lào Cai     | Đốc công phân xưởng                 |
| 03/2004 ÷ 12/2004 | Xí nghiệp liên doanh đồng<br>Lào Cai     | Quyền Quản đốc phân<br>xưởng        |
| 01/2005 ÷ 08/2005 | Xí nghiệp liên doanh đồng<br>Lào Cai     | Quản đốc Phân xưởng<br>Tuyển khoáng |
| 09/2005 ÷ 02/2006 | Công ty mỏ tuyển đồng Sin<br>Quyền       | Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng          |
| 03/2006 ÷ 10/2007 | Công ty mỏ tuyển đồng Sin<br>Quyền       | Quản đốc Phân xưởng<br>Tuyển khoáng |
| 11/2007 ÷ 02/2011 | Công ty Luyện đồng Lào Cai               | Phó Giám đốc Công ty                |
| 03/2011 ÷ 07/2015 | Công ty Luyện đồng Lào Cai               | Giám đốc Công ty                    |
| 08/2015 ÷ 10/2015 | Tổng công ty Khoáng sản<br>TKV – CTCP    | Phó Tổng Giám đốc                   |

|                      |                                    |                                                                           |
|----------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 10/2015 ÷ 26/05/2016 | Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc                                    |
| 27/05/2016 ÷ 02/2018 | Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP |
| 03/2018 ÷ Nay        | Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP     |
| 27/05/2016 ÷ Nay     | Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai       | Chủ tịch HĐQT                                                             |

**\*) Ông Đặng Văn Lâm – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty**

- Họ và tên: ĐẶNG VĂN LÂM
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 18/12/1969
- Nơi sinh: xã Hương Cầm, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ
- CMND số: 025069000069; ngày cấp: 21/10/2015; nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
- Quê quán: Xã Vân Phúc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số 3/B12; Tổ DP số 8, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Số 3/B12; Tổ dân phố số 8, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Chỗ ở (tạm trú) hiện tại: Xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai
- ĐT liên lạc: 02143 835 565
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hóa học; Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Thành viên HĐQT, Giám đốc
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không
- Lợi ích liên quan với VLC: Là người đại diện theo pháp luật của Công ty
- Quá trình công tác:

| <b>Thời gian</b>  | <b>Đơn vị công tác</b>            | <b>Chức vụ</b>                                                    |
|-------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 11/1993 ÷ 08/1999 | Xí nghiệp Liên doanh đồng Lào Cai | Kỹ thuật viên KCS, Tổ Kỹ thuật Công nghệ, Phân xưởng Tuyển khoáng |
| 09/1999 ÷ 03/2006 | Xí nghiệp Liên doanh đồng Lào Cai | Cán bộ kỹ thuật, Phòng Kế hoạch kỹ thuật                          |
| 2000 ÷ 03/2006    | Xí nghiệp Liên doanh đồng Lào Cai | Kiểm nhiệm Phó chủ tịch Công đoàn Xí nghiệp                       |
| 03/2006 ÷ 12/2006 | Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền   | Cán bộ kỹ thuật, Phòng Kế hoạch vật tư                            |
| 01/2007 ÷ 06/2007 | Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền   | Phó Phòng Phụ trách Phòng Tổ chức hành chính                      |
| 07/2007 ÷ 02/2010 | Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền   | Trưởng phòng Tổ chức hành chính                                   |
| 2006 ÷ 2008       | Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền   | Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính                                 |
| 2008 ÷ 02/2010    | Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền   | Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính                                 |
| 03/2010 ÷ 02/2016 | Công ty cổ phần vàng Lào Cai      | Phó Giám đốc Công ty                                              |
| 17/02/2016 ÷ Nay  | Công ty cổ phần vàng Lào Cai      | Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty kiêm nhiệm                      |

**\*) Ông Mạc Văn Tiến – Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty**

- Họ và tên: MẠC VĂN TIẾN
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 24/02/1987.
- Nơi sinh: Xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
- CMND số: 100883537, ngày cấp: 14/4/2005, nơi cấp: CA Quảng Ninh.
- Quê quán: Xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

- Hộ khẩu thường trú: Xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
- Chỗ ở hiện tại: Xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
- Chỗ ở (tạm trú) hiện tại: Xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai
- ĐT liên lạc: 0989437461
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Chức vụ tại VLC: Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty.
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Không có
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                  | Chức vụ                           |
|-------------------|----------------------------------|-----------------------------------|
| 10/2011 ÷ 05/2013 | Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico | Cán bộ kỹ thuật Phòng Mỏ Địa chất |
| 06/2013 ÷ 02/2016 | Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico | Phó phòng Kỹ thuật Mỏ Địa chất    |
| 03/2016 ÷ Nay     | Công ty cổ phần vàng Lào Cai     | Phó Giám đốc Công ty              |

**\*) Ông Cao Anh Hào – Thành viên HĐQT độc lập**

- Họ và tên: CAO ANH Hào
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 24/12/1979
- Nơi sinh: Lào Cai
- CMND số: 063043212, ngày cấp: 11/11/2011, nơi cấp: CA tỉnh Lào Cai
- Quê quán: Giao Tiến – Giao Thủy – Nam Định
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: C2215, Tòa nhà Hồ Gươm Plaza, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, TP Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: C2215, Tòa nhà Hồ Gươm Plaza, Phường Mỗ Lao, Quận Hà

Đông, TP Hà Nội

- ĐT liên lạc: 09 88 55 00 11

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác; Cử nhân QTKD

- Chức vụ tại VLC: Thành viên HĐQT

- Chức vụ tại tổ chức khác: Phó Phòng Kế hoạch Giá thành, Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:

+ Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

+ Tổ chức có liên quan: Tổng công ty khoáng sản TKV- CTCP sở hữu 4.845.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 46,14%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Những khoản nợ với VLC: Không có

- Lợi ích liên quan với VLC: Là cán bộ quản lý của tổ chức (Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP) có Hợp đồng hợp tác kinh doanh tiêu thụ toàn bộ sản phẩm Tinh quặng vàng của VLC.

- Quá trình công tác:

| Thời gian          | Đơn vị công tác                                     | Chức vụ                                     |
|--------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 10/2002 ÷ 10/2004  | Công ty phát triển tin học, công nghệ và môi trường | Cán bộ kỹ thuật                             |
| 11/2002 ÷ 10/2005  | Sở Công nghiệp tỉnh Lào Cai                         | Chuyên viên Phòng Kỹ thuật và Năng lượng    |
| 11/2005 ÷ 09/2011  | Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền                     | Trưởng phòng Kỹ thuật                       |
| 10/ 2011 ÷ 03/2016 | Công ty cổ phần vàng Lào Cai                        | Giám đốc điều hành mỏ, Phó Giám đốc Công ty |
| 03/2016 ÷ Nay      | Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP                  | Phó Phòng Kế hoạch giá thành                |
| 31/05/2016 ÷ Nay   | Công ty cổ phần vàng Lào Cai                        | Thành viên HĐQT                             |

**\*) Ông Nguyễn Cao Khương – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: NGUYỄN CAO KHUÔNG
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 12/01/1974
- Nơi sinh: BV Đa khoa Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- CMND số: 063124073, ngày cấp: 28/01/2013, nơi cấp: CA tỉnh Lào Cai
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Tổ 30, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, Lào Cai
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 30, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, Lào Cai
- ĐT liên lạc: 0988 834 797
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất, cử nhân chính trị
- Chức vụ tại VLC: Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico tại VLC: 2.280.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 21,71%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
  - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
  - + Tổ chức có liên quan: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 –Vimico sở hữu 2.280.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 21,71%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Là người đại diện pháp luật của tổ chức (Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO) có Hợp đồng nhận thuê khoán khai thác quặng vàng gốc nguyên khai cho VLC.
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                       | Chức vụ                    |
|-------------------|---------------------------------------|----------------------------|
| 04/1994 ÷ 12/2007 | Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO | Cán bộ kỹ thuật            |
| 01/2008 ÷ 01/2009 | Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO | Phó Giám đốc Xí nghiệp 304 |
| 02/2009 ÷ 05/2010 | Công ty cổ phần Khoáng sản            | Giám đốc Xí nghiệp 304     |

|                   |                                          |                                      |
|-------------------|------------------------------------------|--------------------------------------|
|                   | 3 – VIMICO                               |                                      |
| 06/2010 ÷ 06/2013 | Công ty cổ phần Khoáng sản<br>3 – VIMICO | Phó Giám đốc Công ty                 |
| 07/2013 ÷ Nay     | Công ty cổ phần Khoáng sản<br>3 – VIMICO | Thành viên HĐQT, Giám<br>đốc Công ty |
| 05/2013 ÷ Nay     | Công ty cổ phần vàng Lào Cai             | Thành viên HĐQT                      |

**\*) Ông Phạm Hồng Thịnh – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: PHẠM HỒNG THỊNH
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 09/08/1984
- Nơi sinh: Nam Định
- CMND số: 013174308, ngày cấp: 02/04/2009, nơi cấp: CA Hà Nội
- Quê quán: Vụ Bản, Nam Định
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: P1001 Tòa nhà 196 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: P1001 Tòa nhà 196 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
- ĐT liên lạc: 0437722377
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học ngoại thương
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Thành viên HĐQT
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng kinh doanh Công ty cổ phần Khoáng sản Đông Dương.
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 300.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 2,86%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần khoáng sản Đông Dương tại VLC: 665.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 6,33%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
  - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
  - + Tổ chức có liên quan: Công ty cổ phần khoáng sản Đông Dương sở hữu 665.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 6,33%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Không có

- Quá trình công tác:

| Thời gian   | Đơn vị công tác                       | Chức vụ                 |
|-------------|---------------------------------------|-------------------------|
| 2008 ÷ 2013 | Công ty cổ phần Khoáng sản Đông Dương | Nhân viên kinh doanh    |
| 2014÷ Nay   | Công ty cổ phần Khoáng sản Đông Dương | Trưởng phòng kinh doanh |
| 2017 ÷ Nay  | Công ty cổ phần vàng Lào Cai          | Thành viên HĐQT         |

**\*) Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: NGUYỄN MẠNH HÙNG
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 21/11/1969
- Nơi sinh: Xuân châu, Xuân Trường, Nam Định
- CMND số: 101133243, ngày cấp: 30/3/2008, nơi cấp: CA tỉnh Quảng Ninh
- Quê quán: Xuân châu, Xuân Trường, Nam Định
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Chỗ ở hiện tại: Công ty TNHH 1 TV 86, tổ 2 khu 1b Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- ĐT liên lạc: 0868211555
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Thành viên HĐQT
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH MTV 86
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện cho Công ty TNHH MTV 86 tại VLC: 450.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 4,29%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
  - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
  - + Tổ chức có liên quan: Công ty TNHH MTV 86 sở hữu 450.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 4,29%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Không có
- Quá trình công tác:

| Thời gian        | Đơn vị công tác                            | Chức vụ                                                      |
|------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 10/1995 ÷ 1/1996 | Trường quân chính quân khu 3               | Học viên                                                     |
| 2/1996 ÷ 3/2007  | Công ty TNHH MTV 91- Tổng Công ty Đông Bắc | Trưởng phòng KHKD Công ty TNHH MTV 91- Tổng Công ty Đông Bắc |
| 4/2007 ÷ 8/2011  | Tổng Công ty Đông Bắc                      | Phó Trưởng phòng KHKD - Tổng Công ty Đông Bắc                |
| 9/2011 ÷ Nay     | Công ty TNHH MTV 86                        | Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty                              |
| 5/2014 ÷ Nay     | Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai               | Thành viên HĐQT                                              |

## 2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Ban kiểm soát

### a) Các thành viên của Ban Kiểm soát gồm:

| TT | Họ và tên            | Chức vụ                  |
|----|----------------------|--------------------------|
| 1  | Ông Trần Minh Tuấn   | Trưởng Ban kiểm soát     |
| 2  | Ông Trần Trung Thành | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3  | Ông Nguyễn Văn Long  | Thành viên Ban kiểm soát |
| 4  | Ông Đồng Thanh Minh  | Thành viên Ban kiểm soát |
| 5  | Bà Ngô Thị Nhâm      | Thành viên Ban kiểm soát |

### b) Sơ yếu lý lịch của thành viên Ban kiểm soát của VLC:

#### \*) Ông Trần Minh Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: TRẦN MINH TUẤN
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 06/02/1973
- CMND số: 013135918
- Nơi sinh: Nam Định
- Quê quán: Nam Định

- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số 17 lô 5 Khu đô thị An Lạc, Phùng Khoang, Từ Liêm, Hà Nội

- Chỗ ở hiện tại: Số 17 lô 5 Khu đô thị An Lạc, Phùng Khoang, Từ Liêm, thành phố Hà Nội

- ĐT liên lạc: 0985131313

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Quản lý vốn - Thanh tra - Kiểm toán nội bộ Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:

+ Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

+ Tổ chức có liên quan: Tổng công ty khoáng sản TKV- CTCP sở hữu 4.845.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 46,14%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Những khoản nợ với VLC: Không có

- Lợi ích liên quan với VLC: Là cán bộ quản lý của tổ chức (Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP) có Hợp đồng hợp tác kinh doanh tiêu thụ toàn bộ sản phẩm Tinh quặng vàng của VLC.

- Quá trình công tác:

| <b>Thời gian</b>  | <b>Đơn vị công tác</b>                                | <b>Chức vụ</b>                               |
|-------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 3/2001 ÷ 8/2004   | Công ty Kiểm toán Việt Nam                            | Trợ lý Kiểm toán viên                        |
| 9/2004 ÷ 6/2007   | Công ty Kiểm toán Việt Nam                            | Kiểm toán viên                               |
| 07/2007 ÷ 09/2007 | Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam | Chuyên viên                                  |
| 10/2007 ÷ 06/2008 | Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam | Phó Trưởng Phòng Đầu tư DV Tài chính và NCPT |
| 06/2008 ÷ 09/2009 | Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam | Trưởng Phòng Đầu tư DV Tài chính và NCPT     |

|                   |                                                       |                                                             |
|-------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 10/2009 ÷ 07/2012 | Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam | Trưởng phòng Kế hoạch Tổng Hợp                              |
| 08/2012 ÷ 04/2014 | Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam | Trưởng Phòng Quản lý rủi ro                                 |
| 05/2014 ÷ 10/2015 | Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP                    | Phó Trưởng Phòng Tài chính kế toán                          |
| 10/2015 ÷ Nay     | Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP                    | Phó Trưởng Phòng Quản lý vốn - Thanh tra - Kiểm toán nội bộ |
| 11/12/2015 ÷ Nay  | Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai                          | Trưởng Ban kiểm soát                                        |

**\*) Ông Trần Trung Thành – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: TRẦN TRUNG THÀNH
- Ngày, tháng, năm sinh: 07/10/1979
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: VN
- Nơi sinh: Nghĩa Thành – Nghĩa Hưng – Nam Định
- CMND số: 162248631
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Tổ 8, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 8, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- ĐT liên lạc: 0988733790
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần khoáng sản 3 – VIMICO
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
  - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
  - + Tổ chức có liên quan: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico sở hữu 2.280.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 21,71%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có

- Lợi ích liên quan với VLC: Là Kế toán trưởng của tổ chức (Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO) có Hợp đồng nhận thuê khoán khai thác quặng vàng gốc nguyên khai cho VLC.

- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                       | Chức vụ                                              |
|-------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 03/2005 ÷ 08/2005 | Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO | Phó phòng Tài chính kế toán                          |
| 09/2005 ÷ 08/2008 | Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO | Quyền kế toán trưởng Công ty                         |
| 09/2008 ÷ Nay     | Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO | Kế toán trưởng Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO |
| 03/2013 ÷ Nay     | Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai          | Thành viên Ban Kiểm soát                             |

**\*) Ông Nguyễn Văn Long – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN LONG
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 20/01/1977
- CMND Số: 011776989; Ngày cấp: 05/4/2007; Nơi cấp: Công an TP Hà nội
- Nơi sinh: Hà nội
- Quê quán: Hữu Lê, Hữu Hoà, Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Hữu Lê, Hữu Hoà, Thanh Trì, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: P2309 CT5 Tân Triều, Thanh trì, Hà nội
- ĐT liên lạc: 0914567836
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Luật
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng ban pháp chế Tập đoàn Bitexco
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
  - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
  - + Tổ chức có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Không có
- Quá trình công tác:

| Thời gian        | Đơn vị công tác              | Chức vụ                  |
|------------------|------------------------------|--------------------------|
| 2002÷ 2007       | Đoàn Luật Sư Hà Nội          | Luật sư                  |
| 2007 ÷ Nay       | Tập đoàn Bitexco             | Trưởng ban pháp chế      |
| 31/05/2017 ÷ Nay | Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai | Thành viên Ban Kiểm soát |

**\*) Ông Đồng Thanh Minh – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: ĐỒNG THANH MINH
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 15/9/1968
- Nơi sinh: Thôn Chùa, xã Thuận lộc, TX Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
- CMND số:101118317; ngày cấp: 11/12/2007; nơi cấp: CA tỉnh Quảng Ninh
- Quê quán: Thôn Chùa, xã Thuận lộc, TX Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Công ty TNHH MTV 86, tổ 2 khu 1b Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Chỗ ở hiện tại: Công ty TNHH MTV 86, tổ 2 khu 1b Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- ĐT liên lạc: 0989701369
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ tại VLC: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Phó Phòng Tài chính – Kế toán Công ty TNHH MTV 86
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
  - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
  - + Tổ chức có liên quan: Công ty TNHH MTV 86 sở hữu 450.000 cổ phần – tỷ

lệ sở hữu: 4,29%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Không có
- Quá trình công tác:

| Thời gian        | Đơn vị công tác                             | Chức vụ                     |
|------------------|---------------------------------------------|-----------------------------|
| 1987 ÷ 1991      | Học viên trường QLKT quân khu 3             | Học viên                    |
| 1991 ÷ 1992      | Binh đoàn 15                                | Nhân viên                   |
| 1992 ÷ 1993      | Quân khu 3                                  | Nhân viên                   |
| 1993 ÷ 1995      | Binh đoàn 12                                | Nhân viên                   |
| 1995 ÷ 1998      | Tổng công ty Đông Bắc                       | Trợ lý                      |
| 1998 ÷ 2000      | Xí nghiệp 497 - Tổng công ty Đông Bắc       | Kế toán trưởng              |
| 2000 ÷ Nay       | Công ty TNHH MTV 86 - Tổng công ty Đông Bắc | Phó phòng Tài chính kế toán |
| 31/05/2018 ÷ Nay | Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai                | Thành viên Ban Kiểm soát    |

**\*) Bà Ngô Thị Nhâm – Thành viên Ban kiểm soát VLC**

- Họ và tên: NGÔ THỊ NHÂM
- Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 30/07/1978
- Nơi sinh: Nam Định
- CMND số: 012835745
- Quê quán: Xã Nghĩa Phong, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số nhà 177, ngõ 71 phố Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Số nhà 177, ngõ 71 phố Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
- ĐT liên lạc: 0973571876
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Phòng Quản lý vốn, Thanh tra kiêm Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
  - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
  - + Tổ chức có liên quan: Tổng công ty khoáng sản TKV- CTCP sở hữu 4.845.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 46,14%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Là nhân viên của tổ chức (Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP) có Hợp đồng hợp tác kinh doanh tiêu thụ toàn bộ sản phẩm Tinh quặng vàng của VLC.
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                    | Chức vụ                                                        |
|-------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| 09/2001 ÷ 11/2011 | Tổng công ty Nhựa Việt Nam         | Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán                            |
| 11/2011 ÷ Nay     | Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP | Chuyên viên Phòng Quản lý vốn, Thanh tra kiêm Kiểm toán nội bộ |
| 10/12/2015 ÷ Nay  | Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai       | Thành viên Ban Kiểm soát                                       |

### **3. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Ban quản lý điều hành**

#### **a) Các thành viên của Ban quản lý điều hành (Ban Giám đốc) gồm:**

Ông Đặng Văn Lâm; Chức vụ: Giám đốc kiêm Bí thư Chi bộ đảng VLC

Ông Mạc Văn Tiến; Chức vụ: Giám đốc điều hành mỏ, Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Thanh; Chức vụ: Kế Toán trưởng VLC

#### **b) Sơ yếu lý lịch của thành viên Ban Giám đốc**

**\*) Ông Đặng Văn Lâm và Ông Mạc Văn Tiến** (xem phần Sơ yếu lý lịch của

*các thành viên Hội đồng quản trị)*

**\*) Ông Nguyễn Minh Thanh – Kế toán trưởng**

- Họ và tên: NGUYỄN MINH THANH
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 20/01/1982
- Nơi sinh: xã Kháng Nhật, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
- CMND số: 070621450; ngày cấp: 25/7/2006; nơi cấp: CA tỉnh Tuyên Quang-  
Quê quán: xã Đồng Cam, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: P901, Chung cư 129, phố Thiên Hiền, phường Mỹ Đình I,  
quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Chỗ ở hiện tại: P901, Chung cư 129, phố Thiên Hiền, phường Mỹ Đình I, quận  
Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- ĐT liên lạc: 0904877569
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế mở
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Kế toán trưởng VLC
- Chức vụ nắm giữ các tại tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Không có
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                                  | Chức vụ                         |
|-------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 11/2007 ÷ 07/2009 | Công ty TNHH Dịch vụ tư<br>vấn Tài chính Kế toán và<br>Kiểm toán | Nhân viên Văn phòng Đại<br>diện |
| 08/2009 ÷ 12/2009 | Chi nhánh Xí nghiệp thiếc<br>Sơn Dương                           | Nhân viên kế toán               |
| 01/2010 ÷ 12/2010 | Công ty cổ phần Đầu tư và<br>Khoáng sản Yên Bái                  | Nhân viên kế toán               |

|                   |                                                                                                                                    |                            |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 01/2011 ÷ 03/2011 | Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Yên Bái                                                                                       | Trưởng phòng Kế toán       |
| 04/2011 ÷ 03/2012 | Công ty cổ phần Kim loại màu Tuyên Quang                                                                                           | Phó Phòng Kế toán          |
| 06/2012 ÷ 04/2013 | Chi nhánh Tổng Công ty Khoáng sản – Vinacomin<br>Trung tâm điều trị bệnh nghề và phục hồi chức năng ngành than khoáng sản – Vimico | Kế toán Tổng hợp           |
| 05/2013 ÷ 06/2014 | Chi nhánh Tổng Công ty Khoáng sản – Vinacomin<br>Trung tâm điều trị bệnh nghề và phục hồi chức năng ngành than khoáng sản – Vimico | Phó Phòng Kế toán Tổng hợp |
| 07/2014 ÷ 12/2014 | Chi nhánh Tổng Công ty Khoáng sản – Vinacomin<br>Trung tâm điều trị bệnh nghề và phục hồi chức năng ngành than khoáng sản – Vimico | Kế toán trưởng             |
| 01/2015 ÷ Nay     | Công ty cổ phần vàng Lào Cai                                                                                                       | Kế toán trưởng Công ty     |

#### **4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty**

Công tác tăng cường quản trị luôn được Công ty quan tâm và thường xuyên có những điều chỉnh cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngay sau khi chính thức đi vào hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, Công ty đã nhanh chóng tổ chức cơ cấu lại bộ máy tổ chức và quản lý, thực hiện các thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và đăng ký lưu ký cổ phiếu Công ty với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD). Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Công ty đã thực hiện sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo quy định mới của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13. Tiếp đó, Công ty sẽ xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Bên cạnh đó, Công ty cũng điều chỉnh và tái cơ cấu một số phòng ban chức năng. Đặc biệt là việc thành lập Tổ công bố thông tin của Công ty, nhằm thực hiện hiệu quả việc công bố thông tin theo yêu cầu quy định hiện hành. Tổ công bố thông tin của Công ty gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng/Phó phòng, chuyên

viên các Phòng ban Công ty, đảm bảo kịp thời, chính xác để phục vụ việc công bố thông tin của Công ty.

Dự kiến, trong thời gian tới, ngay sau khi cổ phiếu Công ty giao dịch chính thức trên Sàn giao dịch Upcom và đủ điều kiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Công ty sẽ thành lập Bộ phận chuyên trách đảm nhiệm công tác quan hệ cổ đông để công bố thông tin tới thị trường chứng khoán và cổ đông của Công ty một cách chính xác, kịp thời và chủ động. Từ đó, các bên quan tâm có thể tìm kiếm và tiếp cận thông tin được dễ dàng, nâng cao trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong các hoạt động của Công ty và công tác quản trị Công ty.

### **III. PHỤ LỤC, TÀI LIỆU GỬI KÈM**

1. Bản sao Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.
2. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
3. Tài liệu khác.

*Lào Cai, ngày        tháng 12 năm 2018*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG LÀO CAI  
GIÁM ĐỐC**

**Đặng Văn Lâm**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

